

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001 : 2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Ngô Thị Thắm  
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Thu**

**HẢI PHÒNG - 2012**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN  
TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH  
SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH LAN PHỐ**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Ngô Thị Thắm  
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Thu**

**HẢI PHÒNG - 2012**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Ngô Thị Thắm

Mã SV: 120269

Lớp: QT1206K

Ngành: Kế toán kiểm toán

Tên đề tài: **Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Lan Phố.**

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
  - Nghiên cứu lý luận chung về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong Doanh nghiệp.
  - Mô tả, phân tích thực trạng công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Lan Phố.
  - Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Lan Phố.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
  - Số liệu về sản xuất kinh doanh của công ty TNHH Lan Phố trong 2 năm gần đây.
  - Số liệu về thực trạng kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Lan Phố.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.  
Công ty TNHH Lan Phố

## **CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

### **Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên: ThS.Nguyễn Thị Thu

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Lan Phô

### **Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

**Ngô Thị Thắm**

**Nguyễn Thị Thu**

***Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2012***

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị***

## **PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN**

### **1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

- Chăm chỉ, chịu khó
- Khiêm tốn, cầu thị
- Hoàn thành nhiệm vụ được giao, đảm bảo đúng tiến độ làm khóa luận tốt nghiệp

### **2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**

Khóa luận tốt nghiệp trình bày trong 87 trang bao gồm cả bảng biểu, kết cấu hợp lý, logic, phù hợp với quy mô khóa luận tốt nghiệp cấp cử nhân.

Chương 1: Tác giả trình bày những vấn đề lý luận về tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Nội dung lý luận cơ bản, chọn lọc, đầy đủ.

Chương 2: Tác giả khảo sát công tác tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Lan Phố. Tác giả khảo sát một cách có hệ thống từ khâu tổ chức chứng từ, vận dụng tài khoản kế toán theo trình tự thao tác trên phần mềm kế toán ITSOFT-ERP với hệ thống sổ sách được thiết kế theo hình thức Nhật ký chung. Số liệu khảo sát rõ ràng, chi tiết, cụ thể và sâu sắc đã làm rõ quy trình kế toán tại Công ty.

Chương 3: Trên cơ sở đánh giá những ưu điểm, hạn chế, tác giả đã đưa ra một số biện pháp hoàn thiện trong việc tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung... Các biện pháp đề xuất có cơ sở và căn cứ khoa học.

### **3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

10,0 đ (Mười điểm)

*Hải Phòng, ngày 02 tháng 07 năm 2012*

**Cán bộ hướng dẫn**

ThS. Nguyễn Thị Thu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----

**PHIẾU NHẬN XÉT THỰC TẬP**

Họ và tên sinh viên : NGÔ THỊ THẨM Ngày sinh : 05/10/1989

Lớp : QT1206K Ngành : Kế toán – Kiểm toán Khóa : 12

Thực tập tại : Công ty TNHH Lan Phố

Từ ngày : 30/01/2012 đến ngày 10/03/2012

**1. Về tinh thần, thái độ, ý thức tổ chức kỷ luật :**

Sinh viên Ngô Thị Thẩm trong quá trình thực tập tại công ty chịu khó học hỏi chuyên môn nghiệp vụ, ngoan ngoãn, lễ phép, chấp hành tốt nội quy, quy chế của Công ty

**2. Về những công việc được giao :**

Luôn hoàn thành tốt các công việc được giao, sáng tạo trong công việc.

**3. Kết quả đạt được :**

Sinh viên Ngô Thị Thẩm trong suốt thời gian thực tập, đã cần cù chăm chỉ, vận dụng những kiến thức đã học trong nhà trường để áp dụng vào công việc thực tế tại doanh nghiệp, và đã đạt được kết quả tốt.

.....,ngày ..... tháng..... năm 2012

**Xác nhận của lãnh đạo cơ sở thực tập**  
**sở**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Cán bộ hướng dẫn thực tập của cơ**

*(Ký tên)*

## DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

1. TNHH: Trách nhiệm hữu hạn
2. NVL: Nguyên vật liệu
3. CCDC: Công cụ dụng cụ
4. TSCĐ: Tài sản cố định
5. CPSX: Chi phí sản xuất
6. TK: Tài khoản
7. BHXH: Bảo hiểm xã hội
8. BHYT: Bảo hiểm y tế
9. BHTN: Bảo hiểm thất nghiệp
10. KPCĐ: Kinh phí công đoàn
11. CP SCL: Chi phí sửa chữa lớn
12. CP DV: Chi phí dịch vụ
13. CP NVLTT: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
14. CP NCTT: Chi phí nhân công trực tiếp
15. CP SXC: Chi phí sản xuất chung
16. HDGTGT: Hóa đơn giá trị gia tăng
17. PXK: Phiếu xuất kho
18. SPDD: Sản phẩm dở dang
19. SXDD: Sản xuất dở dang
20. KC: Kết chuyển



# MỤC LỤC

<b><u>LỜI MỞ ĐẦU</u></b> .....	1
<b><u>CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN</u></b>	
<b><u>TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM</u></b>	
<b><u>TRONG DOANH NGHIỆP</u></b> .....	3
<u>1.1. Những vấn đề chung về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm</u> .....	3
<u>1.1.1. Chi phí sản xuất và phân loại chi phí sản xuất</u> .....	3
<u>1.1.1.1. Khái niệm chi phí sản xuất</u> .....	3
<u>1.1.1.2. Phân loại chi phí sản xuất</u> .....	3
<u>1.1.2. Giá thành sản phẩm và phân loại giá thành sản phẩm</u> .....	6
<u>1.1.2.1. Khái niệm giá thành sản phẩm</u> .....	6
<u>1.1.2.2. Phân loại giá thành sản phẩm</u> .....	6
<u>1.1.3. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm</u> .....	7
<u>1.1.4. Yêu cầu quản lý đối với chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm</u> .....	8
<u>1.2. Tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp</u> .....	9
<u>1.2.1. Nhiệm vụ của kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp</u> .....	9
<u>1.2.2. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm</u> .....	10
<u>1.2.2.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất</u> .....	10
<u>1.2.2.2. Đối tượng tính giá thành</u> .....	11
<u>1.2.2.3. Mối quan hệ giữa đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành</u> .....	11
<u>1.2.3. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp</u> .....	12
<u>1.2.3.1. Kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp</u> .....	12
<u>1.2.3.2. Kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp</u> .....	13
<u>1.2.3.3. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung</u> .....	15
<u>1.3. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ trong doanh nghiệp</u> .....	18
<u>1.3.1. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu chính trực tiếp hoặc theo chi phí NVL trực tiếp</u> .....	19

<u>1.3.2. Đánh giá sản phẩm dở dang theo khối lượng sản phẩm hoàn thành tương đương.</u> .....	19
<u>1.3.3. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí định mức.</u> .....	20
<u>1.4. Kế toán tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp</u> .....	20
<u>1.4.1. Kỳ tính giá thành.</u> .....	20
<u>1.4.2. Các phương pháp tính giá thành sản phẩm.</u> .....	20
<u>1.5. Tổ chức sổ kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.</u> .....	22
<u>1.5.1 Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung.</u> .....	23
<u>1.5.1.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung</u> .....	23
<u>1.5.1.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung</u> .....	23
<u>1.5.2 Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký - Sổ cái.</u> .....	25
<u>1.5.2.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký -Sổ cái</u> .....	25
<u>1.5.2.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký -Sổ cái</u> .....	26
<u>1.5.3 Trình tự ghi sổ theo hình thức Chứng từ ghi sổ.</u> .....	27
<u>1.5.3.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.</u> .....	27
<u>1.5.3.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ</u> .....	27
<u>1.5.4 Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký - chứng từ.</u> .....	28
<u>1.5.4.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ</u> .....	28
<u>1.5.4.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ</u> .....	28
<u>1.5.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính.</u> .....	29
<u>1.5.5.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính</u> .....	29
<u>1.5.5.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính</u> .....	29
<b><u>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH LAN PHỐ</u></b> .....	<b>30</b>
<u>2.1. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty</u> .....	30
<u>2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty</u> .....	30
<u>2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty</u> .....	31

<u>2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty.....</u>	34
<u>2.1.4. Đặc điểm Công tác tổ chức kế toán của Công ty .....</u>	36
<u>2.2. Thực trạng tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Lan Phố.....</u>	39
<u>2.2.1. Đối tượng và phương pháp tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm .....</u>	39
<u>2.2.1.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất. ....</u>	39
<u>2.2.1.2. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất .....</u>	40
<u>2.2.1.3. Đối tượng và kỳ tính giá thành.....</u>	40
<u>2.2.1.4. Phương pháp tính giá thành sản phẩm.....</u>	40
<u>2.2.2. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp .....</u>	41
<u>2.2.3. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp .....</u>	49
<u>2.2.4. Kế toán chi phí sản xuất chung .....</u>	58
<u>2.2.6. Kiểm kê, đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ tại Công ty TNHH Lan Phố .....</u>	72
<u>2.2.7. Kế toán tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Lan Phố.....</u>	73
<b><u>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH LAN PHỐ .....</u></b>	<b>75</b>
<u>3.1. Đánh giá về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở Công ty TNHH Lan Phố.....</u>	75
<u>3.1.1. Ưu điểm.....</u>	76
<u>3.1.2. Một số hạn chế. ....</u>	78
<u>3.1.2.1. Về việc thống nhất mẫu sổ kế toán theo chế độ kế toán Công ty đang áp dụng.....</u>	78
<u>3.1.2.2. Về công tác kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....</u>	78
<u>3.1.2.4. Về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung .....</u>	79
<u>3.1.2.5. Về việc trích trước các khoản chi phí sửa chữa lớn TSCĐ .....</u>	79
<u>3.2. Biện pháp hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Lan Phố.....</u>	79
<u>3.2.1. Thống nhất mẫu sổ kế toán theo chế độ kế toán Công ty áp dụng. ....</u>	79

<u>3.2.2. Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp</u> .....	80
<u>3.2.3. Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp</u> .....	81
<u>3.2.4. Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung</u> .....	84
<u>3.2.5. Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định</u> .....	84
<b><u>KẾT LUẬN</u></b> .....	86
<b><u>TÀI LIỆU THAM KHẢO</u></b> .....	87

## LỜI MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong điều kiện kinh tế hiện nay, sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp ngày càng gia tăng rõ rệt. Các doanh nghiệp muốn tồn tại và vươn lên khẳng định vị trí của mình cần phải năng động trong tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt cần làm tốt công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Vấn đề tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm có ý nghĩa vô cùng to lớn trong việc nâng cao lợi nhuận, tăng tích lũy cho doanh nghiệp, nó là tiền đề đảm bảo cho sự tồn tại, củng cố chỗ đứng của doanh nghiệp trên thị trường. Để làm tốt công việc này, đòi hỏi các doanh nghiệp cần tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm một cách chính xác, kịp thời, đúng đối tượng, đúng chế độ quy định và đúng phương pháp để từ đó đưa ra những biện pháp cụ thể tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm của doanh nghiệp mình, nhưng vẫn đảm bảo về chất lượng sản phẩm. Do đó việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán tập hợp chi phí tính giá thành sản phẩm nói riêng là một nhu cầu cần thiết.

Nhận thức được tầm quan trọng này, sau thời gian học tập tại trường, và thực tập tại Công ty TNHH Lan Phở, với sự hướng dẫn của Th.s Nguyễn Thị Thu, cùng các anh chị phòng kế toán trong Công ty, em đã đi sâu nghiên cứu, tìm hiểu và chọn đề tài tốt nghiệp: *“Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Lan Phở”*.

### 2. Mục tiêu nghiên cứu

Vận dụng những cơ sở lý luận về hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm vào việc nghiên cứu thực tế công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Lan Phở.

### 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Đối tượng nghiên cứu: các vấn đề liên quan đến công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất nói chung

và Công ty TNHH Lan Phô nói riêng.

- Phạm vi nghiên cứu: kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Lan Phô.

#### **4. Phương pháp nghiên cứu**

- Sử dụng tổng hợp các phương pháp quan sát, điều tra, thống kê, tổng hợp, phân tích.

- Kỹ thuật trình bày: kết hợp giữa mô tả và phân tích, giữa luận giải với bảng biểu.

#### **5. Kết cấu của khóa luận**

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung của khóa luận được trình bày trong 3 chương:

- **Chương 1:** Lý luận chung về công tác tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

- **Chương 2:** Thực trạng về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Lan Phô.

- **Chương 3:** Một số nhận xét và kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Lan Phô.

Mặc dù đã cố gắng tìm hiểu và nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của cán bộ phòng kế toán và dưới sự chỉ bảo tận tình của giáo viên hướng dẫn, em đã nắm được phần nào tình hình thực tế công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty. Tuy nhiên, do trình độ lý luận và thời gian hoàn thành đề tài còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế.

Em mong muốn nhận sự đóng góp ý kiến để bài viết của em cũng như công tác hạch toán chi phí và tính giá thành ở Công ty được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

**CHƯƠNG 1**

**LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP  
HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM  
TRONG DOANH NGHIỆP**

**1.1. Những vấn đề chung về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm**

**1.1.1. Chi phí sản xuất và phân loại chi phí sản xuất**

**1.1.1.1. Khái niệm chi phí sản xuất**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thực chất là sự vận động, kết hợp tiêu dùng, chuyển đổi các yếu tố sản xuất đã bỏ ra để tạo thành các sản phẩm nhất định. Trong quá trình đó có sự phát sinh thường xuyên, liên tục của các khoản chi phí nhằm tạo ra sản phẩm.

Trên phương diện này, chi phí sản xuất của doanh nghiệp có thể được hiểu là: Toàn bộ các hao phí về lao động sống, lao động vật hoá và các chi phí khác mà doanh nghiệp đã chi ra để tiến hành các hoạt động sản xuất, biểu hiện bằng tiền và tính cho một thời kỳ nhất định.

Chi phí sản xuất bao gồm nhiều khoản khác nhau như: chi phí về NVL, chi phí về nhân công, chi phí về khấu hao TSCĐ và các chi phí khác bằng tiền

**1.1.1.2. Phân loại chi phí sản xuất**

Chi phí sản xuất của doanh nghiệp gồm nhiều loại có nội dung, tính chất, công dụng, vai trò, vị trí trong quá trình sản xuất kinh doanh khác nhau. Để thuận tiện cho công tác quản lý và hạch toán kiểm tra chi phí cũng như phục vụ cho việc ra các quyết định kinh doanh, chi phí sản xuất kinh doanh cần phải được phân loại theo những tiêu thức phù hợp.

**\* Phân loại chi phí sản xuất theo yếu tố chi phí ( nội dung kinh tế của chi phí)**

Theo cách phân loại này, những chi phí có cùng một nội dung kinh tế được xếp vào cùng một yếu tố chi phí, không phân biệt chi phí đó phát sinh ở đâu và mục đích tác dụng của chi phí đó như thế nào, bao gồm:

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

- Chi phí NVL: bao gồm toàn bộ chi phí về NVL chính kể cả nửa thành phẩm mua ngoài, vật liệu phụ, phụ tùng thay thế, công cụ dụng cụ, nhiên liệu sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Chi phí nhân công: Phản ánh tổng số tiền lương, các khoản phụ cấp có tính chất lương và các khoản trích theo lương của cán bộ công nhân viên chức trong doanh nghiệp.

- Chi phí khấu hao TSCĐ: phản ánh toàn bộ số khấu hao phải tích trong kỳ của tất cả các TSCĐ được sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ không phân biệt TSCĐ dùng cho quản lý và TSCĐ dùng trực tiếp cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Phản ánh toàn bộ các chi phí dịch vụ mua ngoài dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ như chi phí điện, nước...

- Chi phí khác bằng tiền: Phản ánh toàn bộ các chi phí khác bằng tiền chưa phản ánh vào các yếu tố tiêu dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Việc phân loại chi phí sản xuất theo nội dung, tính chất kinh tế của chi phí có tác dụng rất lớn trong việc quản lý chi phí sản xuất. Nó cho biết kết cấu tỷ trọng của từng yếu tố chi phí làm cơ sở cho việc lập, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi phí sản xuất, lập kế hoạch cung ứng vật tư, lao động, tiền vốn. Tuy nhiên cách phân loại này có nhược điểm là trong thực tế, có những khoản mục chi trực tiếp theo từng yếu tố nhưng các yếu tố đó không được tính trực tiếp vào giá thành thực tế của từng sản phẩm do đó không thể xác định được giá bán phù hợp.

### **\* Phân loại chi phí sản xuất theo mục đích, công dụng của chi phí.**

Theo cách phân loại này, những chi phí sản xuất có cùng công dụng kinh tế được sắp xếp vào cùng khoản mục, không phân biệt tính chất kinh tế của nó như thế nào. Chi phí sản xuất được chia thành các khoản mục sau:

- Chi phí NVL trực tiếp: phản ánh toàn bộ chi phí về NVL chính, vật liệu phụ, nhiên liệu tham gia trực tiếp vào việc sản xuất chế tạo sản phẩm hay thực hiện lao vụ, dịch vụ.

- Chi phí nhân công trực tiếp: bao gồm tiền lương, các khoản phụ cấp có



tính chất lương và các khoản trước theo lương của cán bộ, công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm.

- Chi phí sản xuất chung: là các chi phí sản xuất phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm nhưng không được tính cho một đối tượng cụ thể và phát sinh trong phạm vi các phân xưởng như tiền lương nhân viên quản lý đội, các khoản trích theo lương quy định, khấu hao máy móc thiết bị, dịch vụ mua ngoài.

Phân loại chi phí sản xuất theo cách này có tác dụng phục vụ cho việc quản lý chi phí theo định mức, là cơ sở cho kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo khoản mục, là căn cứ để phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và định mức chi phí sản xuất cho kỳ sau.

**\* Phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ và khả năng quy nạp chi phí vào các đối tượng chịu chi phí.**

Theo cách phân loại này, chi phí sản xuất được chia thành.

- Chi phí trực tiếp, là chi phí liên quan trực tiếp đến từng đối tượng kế toán tập hợp chi phí như từng loại sản phẩm, công việc, đơn đặt hàng.

- Chi phí gián tiếp: là chi phí liên quan đến nhiều đối tượng kế toán tập hợp chi phí.

Cách phân loại này có ý nghĩa thuần túy đối với kỹ thuật hạch toán, trường hợp có phát sinh chi phí gián tiếp, bắt buộc phải áp dụng phương pháp phân bổ thì phải lựa chọn tiêu thức phân bổ cho phù hợp.

Ngoài các cách phân loại trên, chi phí sản xuất còn được phân loại thành chi phí ban đầu và chi phí chuyển đổi, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, chi phí hoạt động tài chính, chi phí bất thường...Mỗi cách phân loại đều có vai trò, vị trí riêng trong công tác quản trị chi phí trong doanh nghiệp, cung cấp thông tin cho việc lập kế hoạch, kiểm tra và điều tiết chi phí. Do đó, tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh mà mỗi doanh nghiệp phải lựa chọn cho mình một hình thức phân loại chi phí sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp mình.

### 1.1.2. Giá thành sản phẩm và phân loại giá thành sản phẩm.

#### 1.1.2.1. Khái niệm giá thành sản phẩm.

Giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ những hao phí về lao động sống cần thiết và lao động vật hoá được tính trên một khối lượng kết quả sản phẩm, lao vụ, dịch vụ hoàn thành nhất định.

Giá thành sản phẩm là một phạm trù của sản xuất hàng hóa, phản ánh lượng giá trị của những hao phí về lao động sống và lao động vật hóa được thực sự chi ra cho sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Nó vừa mang tính khách quan vừa mang tính chủ quan.

#### 1.1.2.2. Phân loại giá thành sản phẩm.

Để đáp ứng các yêu cầu của quản lý, hạch toán và kế hoạch hoá giá thành cũng như yêu cầu xây dựng giá cả hàng hóa, giá thành được xem xét dưới nhiều góc độ, nhiều phạm vi tính toán khác nhau. Một số cách phân loại :

##### **\* Phân loại theo cơ sở số liệu và thời điểm để tính giá thành**

Theo cách phân loại này, chỉ tiêu giá thành được chia thành 3 loại:

- Giá thành thực tế: Là một loại giá thành được tính theo sản lượng thực tế hoàn thành. Đây là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp sau khi sản phẩm hoàn thành. Giá thành thực tế phản ánh tình hình phấn đấu của doanh nghiệp trong quá trình quản lý và sử dụng vật tư, tiền vốn của doanh nghiệp.

- Giá thành kế hoạch: Là một loại giá thành được tính trên cơ sở chi phí kế hoạch tính theo sản lượng kế hoạch. Đây là mục tiêu phấn đấu của doanh nghiệp được bộ phận kế hoạch của doanh nghiệp lập trước khi quá trình sản xuất sản phẩm được bắt đầu, là căn cứ để phân tích, so sánh tình hình thực hiện kế hoạch giá thành của doanh nghiệp.

- Giá thành định mức: Là một loại giá thành được tính toán trên cơ sở định mức chi phí hiện hành cho một đơn vị sản phẩm. Giá thành định mức cũng được xác định trước khi quá trình sản xuất sản phẩm tiến hành. Giá thành định mức là cơ sở để xem xét doanh nghiệp có tiết kiệm hay lãng phí các loại tài sản vật tư tiền vốn hay không.

Cách phân loại này có tác dụng trong việc quản lý và giám sát chi phí, xác định nguyên nhân vượt (hụt) định mức một phần trong kỳ hạch toán.

### **\* Phân loại theo phạm vi phát sinh chi phí trong giá thành**

Theo cách phân loại này, giá thành được chia thành 2 loại:

- Giá thành sản xuất (giá thành công xưởng): Là giá thành bao gồm các chi phí sản xuất chế tạo sản phẩm. Là cơ sở để tính lợi nhuận gộp.
- Giá thành tiêu thụ (giá thành toàn bộ hoặc giá thành đầy đủ): Là giá chỉ tiêu phản ánh toàn bộ các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

### **1.1.3. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.**

Về mặt bản chất, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là biểu hiện hai mặt của quá trình sản xuất kinh doanh. Chúng giống nhau về chất thể hiện ở chỗ đều là những hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà doanh nghiệp chi ra trong quá trình sản xuất và chế tạo sản phẩm. Nhưng chúng khác nhau về lượng chi phí sản xuất và giá thành có thể khác nhau khi có sản phẩm dở dang đầu kỳ và cuối kỳ.

Chi phí sản xuất trong kỳ không chỉ liên quan đến những sản phẩm hoàn thành mà còn liên quan đến sản phẩm đang còn dở dang cuối kỳ và sản phẩm hỏng, còn giá thành sản phẩm không liên quan đến chi phí sản xuất của sản phẩm dở dang cuối kỳ và sản phẩm hỏng nhưng lại liên quan đến chi phí sản xuất của sản phẩm dở dang kỳ trước chuyển sang tức là xác định một lượng chi phí sản xuất nhất định, tính cho một đại lượng kết quả hoàn thành nhất định.

Như vậy chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, chi phí sản xuất là cơ sở hình thành nên giá thành sản phẩm.

Đứng trên góc độ của quá trình hoạt động để xem xét thì quá trình sản xuất là một quá trình hoạt động liên tục, còn việc tính giá thành sản phẩm thực hiện tại một điểm cắt có tính chất chu kỳ để so sánh chi phí với khối lượng sản phẩm, lao vụ, dịch vụ hoàn thành.

Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm được thể hiện qua công thức sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng giá thành} & & \text{CPSX} & & \text{CPSX} & & \text{CPSX} \\ \text{sản phẩm} & & \text{dở dang} & & \text{phát sinh} & & \text{dở dang} \\ \text{hoàn thành} & = & \text{đầu kỳ} & + & \text{trong kỳ} & - & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Việc phân biệt trên giúp cho công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành được đầy đủ và kịp thời. Ngoài ra, qua mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành, ta thấy để hạ thấp được giá thành sản phẩm thì một mặt doanh nghiệp phải có biện pháp tiết kiệm chi phí, mặt khác phải có biện pháp quản lý sử dụng chi phí hợp lý, nâng cao năng suất lao động tăng cường hiệu quả sản xuất sản phẩm.

#### **1.1.4. Yêu cầu quản lý đối với chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.**

Trong quản trị doanh nghiệp, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là những chỉ tiêu kinh tế quan trọng luôn được các nhà quản lý quan tâm vì đó là những chỉ tiêu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Hơn nữa, xuất phát từ mối quan hệ mật thiết giữa chi phí sản xuất với giá thành sản phẩm nên yêu cầu cần thiết khách quan đặt ra là doanh nghiệp phải quan tâm đặc biệt đến việc quản lý chi phí sản xuất cũng như tính giá thành sản phẩm.

Bởi vì tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm đồng nghĩa với việc tạo lợi thế trong việc tiêu thụ sản phẩm, trong cạnh tranh với các doanh nghiệp khác và làm tăng lợi nhuận của đơn vị.

Vì vậy, đối với chi phí sản xuất, doanh nghiệp phải lập ra các dự toán về chi phí, đưa ra các định mức rõ ràng cho các yếu tố chi phí. Tính đúng, tính đủ các chi phí sản xuất để xác định các chỉ tiêu về kế hoạch. Đồng thời theo dõi chặt chẽ chi phí phát sinh thông qua hệ thống sổ sách của doanh nghiệp. Các khoản mục chi phí phải được tập hợp và theo dõi riêng cho từng đối tượng hạch toán và phải được phản ánh trên sổ chi tiết tính giá thành của đơn vị. Bên cạnh đó, doanh nghiệp phải thường xuyên kiểm tra tình hình sử dụng vật tư, lao động, tiền vốn, tình hình thực hiện kế hoạch giá thành sản phẩm, phát hiện những lãng phí, sai phạm để kịp thời xử lý.

Tóm lại, Quản lý chi phí và tính giá thành sản phẩm phải nắm được nguồn gốc phát sinh chi phí, nội dung, tính chất của từng khoản mục chi phí, các định mức chi phí tại doanh nghiệp, các nguyên nhân dẫn đến tăng giảm chi phí tại doanh nghiệp, các nguyên nhân dẫn đến tăng giảm chi phí cũng như tình hình thực hiện kế hoạch hạ giá thành của doanh nghiệp.

### **1.2. Tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.**

#### **1.2.1. Nhiệm vụ của kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.**

Chi phí và giá thành sản phẩm là các chỉ tiêu quan trọng trong hệ thống các chỉ tiêu kinh tế phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp và có mối quan hệ mật thiết với doanh thu, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tổ chức kế toán chi phí, tính giá thành sản phẩm một cách khoa học, hợp lý và đúng đắn có ý nghĩa rất lớn trong công tác quản lý chi phí và giá thành sản phẩm.

Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là khâu trung tâm của toàn bộ công tác kế toán ở doanh nghiệp, chi phối đến chất lượng của các phân hành kế toán khác cũng như chất lượng và hiệu quả của công tác quản lý tài chính của doanh nghiệp.

Kế toán doanh nghiệp cần phải xác định rõ nhiệm vụ của mình trong việc tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm như sau:

- Trước hết cần nhận thức đúng đắn vai trò của kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong toàn bộ hệ thống kế toán doanh nghiệp.

- Căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, quy trình công nghệ sản xuất, xác định đúng đắn đối tượng kế toán chi phí sản xuất, lựa chọn phương pháp tập hợp chi phí sản xuất theo phương án phù hợp.

- Căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, đặc điểm của sản phẩm, khả năng và yêu cầu quản lý cụ thể để xác định đối tượng tính giá thành cho phù hợp.

- Trên cơ sở mối quan hệ giữa đối tượng kế toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành để tổ chức áp dụng phương pháp tính giá thành cho phù hợp

- Tổ chức bộ máy kế toán phù hợp có sự phân công phân nhiệm rõ ràng cho từng phần hành kế toán.

- Tổ chức chứng từ ban đầu, hệ thống tài khoản, sổ kế toán phù hợp với các nguyên tắc chuẩn mực, chế độ kế toán đáp ứng được yêu cầu thu thập - xử lý- hệ thống hoá thông tin về chi phí và giá thành của doanh nghiệp.

- Thường xuyên kiểm tra thông tin về kế toán chi phí và giá thành của bộ phận có liên quan và bộ phận chi phí và giá thành.

- Tổ chức lập và phân tích các báo cáo về chi phí, giá thành sản phẩm cung cấp những thông tin cần thiết về chi phí, giá thành sản phẩm giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp ra được quyết định một cách nhanh chóng, kịp thời, phù hợp quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

### **1.2.2. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm.**

#### **1.2.2.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất.**

Chi phí sản xuất của doanh nghiệp có thể phát sinh ở nhiều điểm khác nhau, liên quan đến việc sản xuất chế tạo sản phẩm, lao vụ khác. Các nhà quản lý doanh nghiệp cần biết được chi phí phát sinh đó ở đâu, dùng vào việc sản xuất sản phẩm nào...

Vì vậy, kế toán cần xác định được chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trong kỳ theo một phạm vi, giới hạn nhất định. Đó chính là đối tượng kế toán chi phí sản xuất.

Đối tượng kế toán chi phí sản xuất là phạm vi, giới hạn mà chi phí sản xuất cần phải tập hợp nhằm đáp ứng cho việc kiểm tra chi phí và tính giá thành sản phẩm.

Xác định đối tượng kế toán chi phí sản xuất là khâu đầu tiên trong việc tổ chức kế toán chi phí sản xuất. Thực chất của việc xác định đối tượng kế toán chi phí sản xuất là xác định nơi gây ra chi phí (phân xưởng, đội, trại sản xuất, bộ phận sản xuất, giai đoạn công nghệ..) và nơi gánh chịu chi phí (sản phẩm, công việc, lao vụ, bộ phận hoặc chi tiết sản phẩm).

Xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và tập hợp chi phí sản xuất một cách khoa học, hợp lý là cơ sở để tổ chức kế toán chi phí sản xuất, từ việc tổ chức hạch toán ban đầu đến tổ chức tổng hợp số liệu, ghi chép trên tài khoản, sổ chi tiết..., là cơ sở quan trọng để kiểm tra, kiểm soát chi phí. Đồng thời, tăng cường trách nhiệm vật chất đối với các bộ phận và cung cấp số liệu cho việc tính chỉ tiêu giá thành sản phẩm.

### **1.2.2.2. Đối tượng tính giá thành.**

Đối tượng tính giá thành là các sản phẩm, công việc, lao vụ mà doanh nghiệp đã sản xuất hoàn thành đòi hỏi phải tính tổng giá thành và giá thành đơn vị. Việc xác định đối tượng tính giá thành cũng cần phải căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất, quản lý sản xuất, quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm, khả năng, yêu cầu quản lý cũng như tính chất của từng loại sản phẩm cụ thể.

Nếu doanh nghiệp tổ chức sản xuất đơn chiếc thì từng sản phẩm được xác định là đối tượng tính giá thành. Nếu doanh nghiệp tổ chức sản xuất hàng loạt thì từng sản phẩm là một đối tượng tính giá thành. Đối với quy trình công nghệ sản xuất giản đơn thì đối tượng tính giá thành là sản phẩm hoàn thành ở giai đoạn cuối cùng của quy trình công nghệ, còn các doanh nghiệp có quy trình công nghệ sản xuất và chế biến phức tạp thì đối tượng tính giá thành có thể là nửa thành phẩm ở từng giai đoạn và thành phẩm hoàn thành ở giai đoạn, công nghệ cuối cùng và cũng có thể là từng bộ phận, từng chi tiết sản phẩm và sản phẩm đã lắp ráp hoàn thành.

### **1.2.2.3. Mối quan hệ giữa đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành.**

Qua phân tích hai khái niệm trên cho thấy: Đối tượng kế toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành giống nhau ở bản chất, đều là phạm vi, giới hạn nhất định để tập hợp chi phí sản xuất theo đó và cùng phục vụ cho công tác quản lý, phân tích và kiểm tra chi phí, giá thành sản phẩm. Tuy vậy, giữa hai khái niệm cũng có những điểm khác nhau nhất định.

- Xác định đối tượng kế toán chi phí sản xuất là xác định phạm vi, giới hạn tổ chức kế toán chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ.

- Xác định đối tượng tính giá thành là xác định phạm vi, giới hạn của chi

phí liên

quan đến kết quả sản xuất đã hoàn thành của quy trình sản xuất.

- Trong thực tế, có những trường hợp một đối tượng kế toán chi phí sản xuất lại bao gồm nhiều đối tượng tính giá thành và ngược lại.

### **1.2.3. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp.**

#### **1.2.3.1. Kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.**

##### **\* Nội dung chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.**

Chi phí NVLTT là toàn bộ chi phí về nguyên vật liệu chính, nửa thành phẩm mua ngoài, vật liệu phụ, nhiên liệu sử dụng trực tiếp cho việc sản xuất chế tạo sản phẩm hoặc thực hiện lao vụ, dịch vụ.

Khi phát sinh các khoản chi phí về nguyên vật liệu trực tiếp, kế toán căn cứ vào các phiếu xuất kho, các chứng từ khác có liên quan để xác định giá vốn của số nguyên vật liệu dùng cho sản xuất chế tạo sản phẩm (theo phương pháp tính giá vốn nguyên vật liệu mà doanh nghiệp đã lựa chọn). Trên cơ sở đó kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cho từng đối tượng kế toán chi phí sản xuất cũng như từng đối tượng sử dụng trong doanh nghiệp, công việc này thường được thực hiện trong “Bảng phân bổ nguyên vật liệu”.

\* **Chứng từ sử dụng:** Phiếu xuất kho, giấy đề nghị lĩnh vật tư, bảng tổng hợp vật tư thực lĩnh...

##### **\* Tài khoản sử dụng.**

Để kế toán chi phí nguyên vật liệu, kế toán sử dụng TK621-Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp .

Tài khoản này không có số dư. Tài khoản này có thể được mở chi tiết cho từng đối tượng sử dụng như phân xưởng 1, phân xưởng 2 hoặc chi tiết cho từng đối tượng chịu chi phí như từng loại sản phẩm (sản phẩm A, sản phẩm B..)

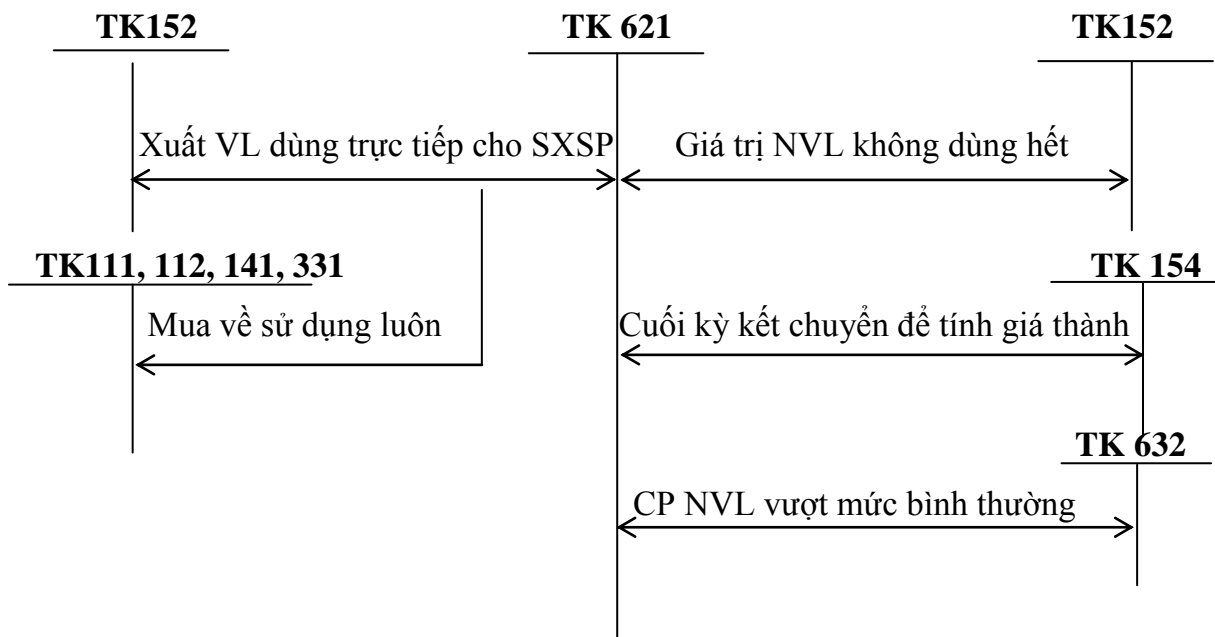
##### **\* Trình tự kế toán tập hợp chi phí NVLTT**

Tùy thuộc vào phương pháp kế toán hàng tồn kho mà doanh nghiệp sử dụng mà có trình tự kế toán riêng. Về cơ bản trình tự tập hợp chi phí NVLTT được khái quát như sau:

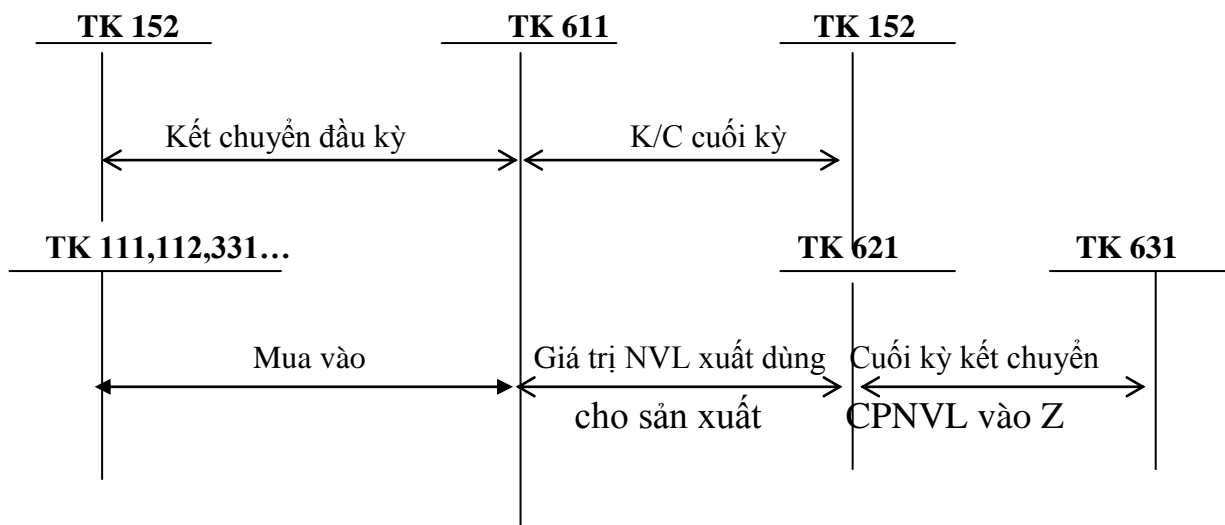


## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Sơ đồ 1.1: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp  
(theo phương pháp kê khai thường xuyên)**



**Sơ đồ 1.2: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp  
(Theo phương pháp kiểm kê định kỳ)**



### 1.2.3.2. Kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp.

#### \* Nội dung chi phí nhân công trực tiếp.

Chi phí nhân công trực tiếp là những khoản tiền phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm hoặc trực tiếp thực hiện các loại lao vụ, dịch vụ gồm: tiền lương chính, tiền lương phụ, các khoản phụ cấp, tiền trích, BHXH, BHYT, BHTN,

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

KPCĐ theo số tiền lương của công nhân sản xuất. Tùy thuộc vào điều kiện cụ thể mà doanh nghiệp trả lương theo khoán sản phẩm hay thời gian.

Số tiền lương phải trả cho công nhân sản xuất thể hiện trên bảng tính và thanh toán lương, được tổng hợp, phân bổ cho các đối tượng kế toán chi phí sản xuất trên bảng phân bổ tiền lương. Trên cơ sở đó, các khoản trích theo lương tính vào chi phí nhân công trực tiếp được tính toán căn cứ vào số tiền lương công nhân sản xuất của từng đối tượng và tỷ lệ trích quy định theo quy chế tài chính hiện hành của từng thời kỳ.

Theo quy định của Công văn số 1540/BHXH – PT ban hành ngày 25/12/2009 của BHXH Việt Nam quy định mức đóng bảo hiểm hàng tháng là 28.5%. Trong đó BHXH: 22% (người sử dụng lao động đóng 16%, người lao động đóng 6%), BHYT: 4.5% (người sử dụng lao động đóng 3%, người lao động đóng 1.5%), BHTN: 2% (người sử dụng lao động đóng 1%, người lao động đóng 1%) và trích 2% KPCĐ trên lương thực tế, tổng mức trích là 30.5%. Tuy nhiên, theo quyết định số 1111/QĐ-BHXH ban hành ngày 25/10/2011 của BHXH Việt Nam quy định mức trích bảo hiểm hàng tháng là 30.5% áp dụng từ ngày 01/01/2012. Trong đó BHXH: 24% (người sử dụng lao động đóng 17%, người lao động đóng 7%), BHYT: 4.5% (người sử dụng lao động đóng 3%, người lao động đóng 1.5%), BHTN: 2% (người sử dụng lao động đóng 1%, người lao động đóng 1%) và trích 2% KPCĐ trên lương thực tế, tổng mức trích là 32.5%.

\* **Chứng từ sử dụng:** Bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương, bảng tổng hợp tiền lương và các khoản trích theo lương...

\***Tài khoản sử dụng:**

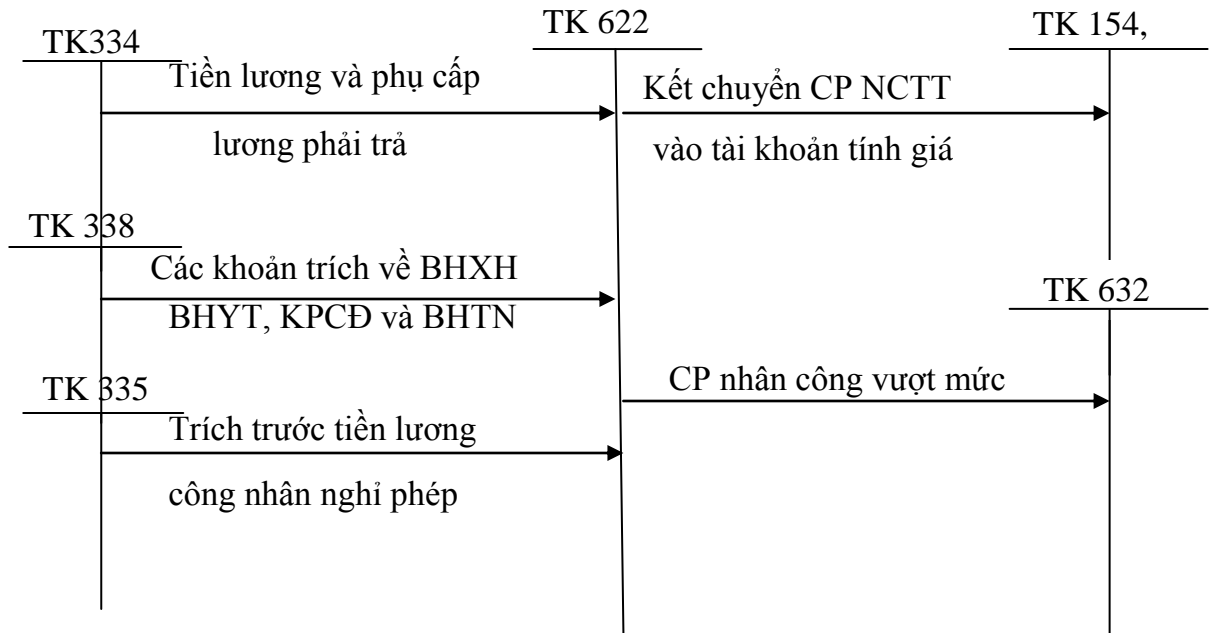
Để kế toán chi phí nhân công trực tiếp, kế toán sử dụng TK622-Chi phí nhân công trực tiếp

Tài khoản này không có số dư. Tài khoản này có thể được mở trực tiếp cho từng đối tượng chi phí như: Chi tiết cho từng phân xưởng hoặc chi tiết cho từng sản phẩm.

**\* Trình tự kế toán CPNCTT**

Tuỳ thuộc vào hình thức kế toán hàng tồn kho mà doanh nghiệp sử dụng, thực hiện kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp theo sơ đồ sau:

**Sơ đồ 1.3: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí NCTT**



**1.2.3.3. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung.**

**\* Nội dung chi phí sản xuất chung.**

Chi phí sản xuất chung là những khoản chi phí cần thiết khác phục vụ cho quá trình sản xuất sản phẩm phát sinh ở các phân xưởng, bộ phận sản xuất.

Chi phí sản xuất chung bao gồm:

- Chi phí nhân viên phân xưởng: là khoản phải trả cho nhân viên phân xưởng, bao gồm: chi phí tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp lương, các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ tính cho nhân viên phân xưởng, nhân viên tiếp liệu, vận chuyển nội bộ...

- Chi phí vật liệu: Phản ánh chi phí vật liệu dùng chung cho phân xưởng như vật liệu dùng cho sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ thuộc phân xưởng quản lý, sử dụng vật liệu dùng cho nhu cầu văn phòng phân xưởng.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

- Chi phí dụng cụ sản xuất: Phản ánh chi phí về công cụ, dụng cụ sản xuất dùng

cho phân xưởng sản xuất như công tác hành trình, dây thừng, van hơi ...

- Chi phí khấu hao TSCĐ: bao gồm khấu hao của tất cả TSCĐ sử dụng ở phân xưởng sản xuất, như khấu hao của máy móc thiết bị, khấu hao của nhà xưởng, phương tiện vận tải...

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Phản ánh chi phí mua ngoài để phục vụ cho các hoạt động của phân xưởng như chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, chi phí điện, nước, thuê sửa chữa....

- Chi phí khác bằng tiền: Phản ánh những chi phí bằng tiền ngoài những khoản chi phí kể trên, phục vụ cho hoạt động của phân xưởng như chi tiếp khách, hội nghị... ở phân xưởng.

Chi phí sản xuất chung được tổ chức tập hợp theo từng phân xưởng, quản lý chi tiết theo từng yếu tố chi phí. Cuối kỳ, sau khi đã tập hợp được chi phí sản xuất chung theo từng phân xưởng, kế toán tính toán phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng đối tượng kế toán chi phí sản xuất trong phân xưởng theo những tiêu thức phân bổ hợp lý.

$$\frac{\text{Mức chi phí sản xuất chung phân bổ cho từng đối tượng}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ cho từng đối tượng}} = \frac{\text{Tổng chi phí sản xuất chung cần phân bổ}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ của tất cả các đối tượng}} \times$$

\* **Chứng từ sử dụng:** phiếu xuất kho, bảng thanh toán lương, bảng tổng hợp tiền lương và các khoản trích theo lương, bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ, phiếu chi...

\***Tài khoản sử dụng.**

Kế toán sử dụng TK627- Chi phí sản xuất chung để kế toán tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất chung.

TK627 không có số dư cuối kỳ và được mở 06 tài khoản cấp 2 để tập hợp

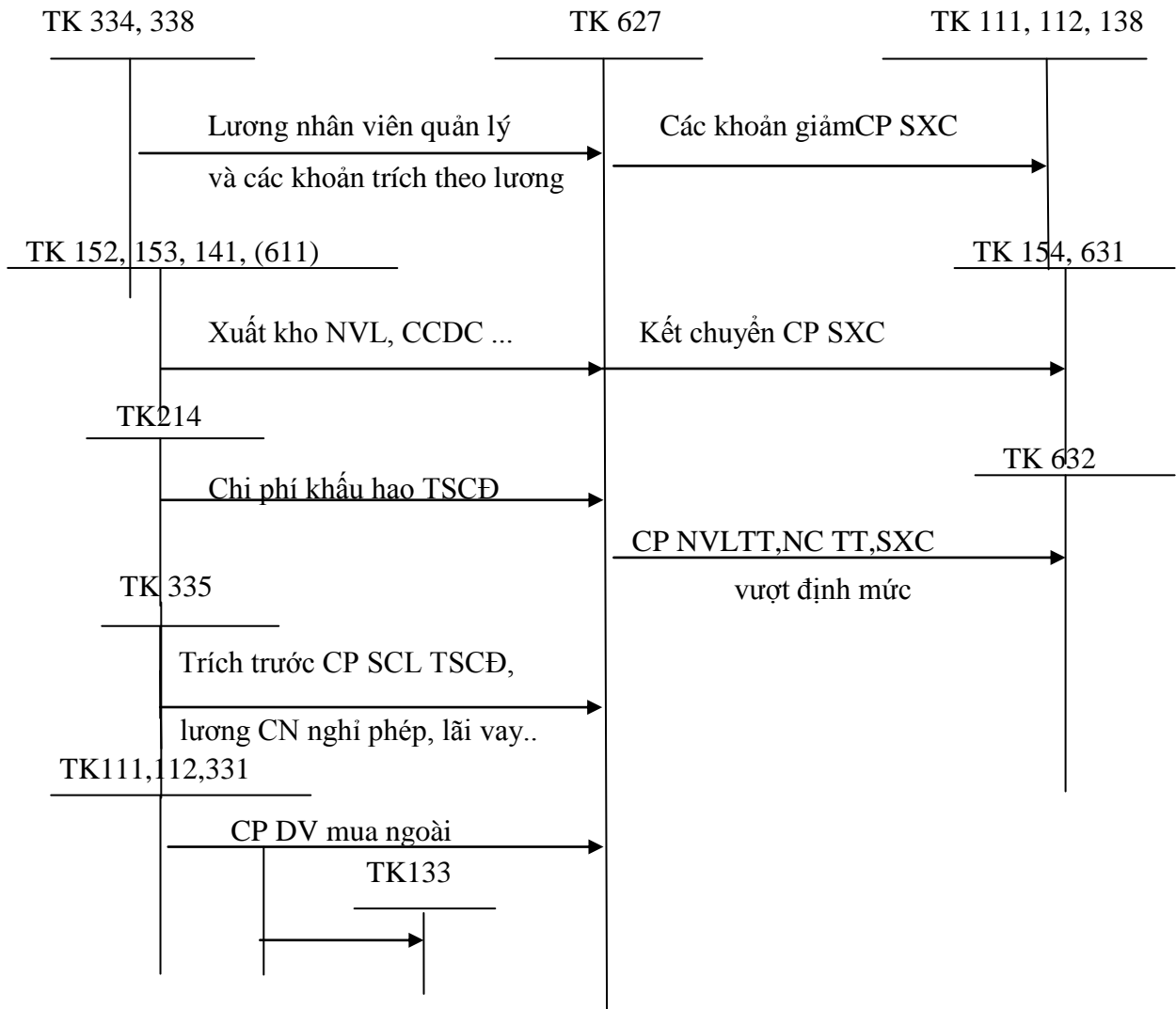
theo các yếu tố chi phí :

- 6271 : chi phí về nhân viên phân xưởng.
- 6272 : chi phí về vật liệu.
- 6273 : chi phí dụng cụ sản xuất.
- 6274 : chi phí khấu hao TSCĐ.
- 6277 : chi phí dịch vụ mua ngoài.
- 6278 : chi phí khác bằng tiền

**\* Trình tự kế toán.**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến việc phát sinh chi phí sản xuất chung từ đó tập hợp chi phí và kết chuyển tính giá thành được thể hiện thông qua sơ đồ sau:

**Sơ đồ 1.4: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí sản xuất chung.**



### 1.3. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ trong doanh nghiệp.

Sản phẩm dở dang là khối lượng sản phẩm, công việc còn đang trong quá trình sản xuất, gia công, chế biến trên các giai đoạn của quy trình công nghệ hoặc đã hoàn thành một vài quy trình chế biến nhưng vẫn còn phải gia công chế biến tiếp mới trở thành thành phẩm.

Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ không chỉ liên quan đến sản phẩm hoàn thành trong kỳ mà còn liên quan đến các sản phẩm dở dang cuối kỳ. Vì vậy để xác định được chi phí sản xuất trong kỳ tính cho sản phẩm hoàn thành làm căn cứ tính giá thành, kế toán phải xác định chi phí sản xuất liên quan đến sản phẩm dở dang cuối kỳ. Công việc này gọi là đánh giá sản phẩm dở dang.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Để đánh giá được sản phẩm dở dang, kế toán cần phải xác định được khối lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ. Tùy thuộc vào đặc điểm sản xuất của từng doanh nghiệp mà sản phẩm cuối kỳ được đánh giá theo một trong các phương pháp sau:

### 1.3.1. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu chính trực tiếp hoặc theo chi phí NVL trực tiếp.

Theo phương pháp này giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ chỉ tính phần chi phí NVL trực tiếp hoặc chi phí nguyên vật liệu chính, còn các chi phí sản xuất khác tính hết cho thành phẩm trong kỳ. Vì vậy, giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ tính bằng công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị} \\ \text{sản phẩm} \\ \text{dở dang cuối} \\ \text{kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Giá trị sản phẩm} \\ \text{dở dang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí NVL} \\ \text{chính (trực tiếp)} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm} \\ \text{hoàn thành} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{sản phẩm} \\ \text{dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}$$

### 1.3.2. Đánh giá sản phẩm dở dang theo khối lượng sản phẩm hoàn thành tương đương.

Theo phương pháp này, giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ phải tính toán tất cả các khoản mục chi phí theo mức độ chế biến hoàn thành. Vì vậy phải căn cứ kết quả chế biến sản phẩm dở dang, xác định mức độ chế biến của sản phẩm dở dang để quy đổi ra khối lượng hoàn thành tương đương. Sau đó, tính toán xác định từng khoản mục chi phí cho sản phẩm dở dang theo nguyên tắc sau:

$$\begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm} \\ \text{tương đương} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Mức độ hoàn thành} \end{array}$$

Sau đó tính toán các khoản mục chi phí cho sản phẩm dở dang cuối kỳ như sau:

- Đối với chi phí sản xuất bỏ vào một lần ngay từ đầu dây chuyền công nghệ như CPNVLTT ...thì chi phí tính cho sản phẩm dở xác định theo công thức đánh giá theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

- Đối với các chi phí bỏ dần trong quá trình sản xuất, chế biến như chi phí NCTT... thì tính cho sản phẩm dở dang theo công thức:

$$\begin{array}{r} \text{Giá trị} \\ \text{sản phẩm} \\ \text{dở dang cuối} \\ \text{kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{r} \text{Giá trị sản phẩm} \\ \text{dở dang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{r} \text{Số lượng sản phẩm} \\ \text{hoàn thành} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Số lượng sản phẩm} \\ \text{tương đương} \end{array}} \times \begin{array}{r} \text{Số lượng} \\ \text{sản phẩm} \\ \text{tương} \\ \text{đương} \end{array}$$

### 1.3.3. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí định mức.

- Phương pháp này áp dụng thích hợp với các doanh nghiệp đã xây dựng hệ thống định mức và dự toán chi phí cho loại sản phẩm thì doanh nghiệp có thể áp dụng phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí sản xuất định mức.

- Theo phương pháp này, kế toán căn cứ vào khối lượng sản phẩm dở dang đã kiểm kê, xác định ở từng công đoạn sản xuất và định mức từng khoản mục chi phí ở từng công đoạn sản xuất tương ứng cho từng đơn vị sản phẩm để tính ra chi phí định mức của khối lượng sản phẩm dở dang ở từng công đoạn. Sau đó, tập hợp lại cho từng loại sản phẩm.

## 1.4. Kế toán tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp

### 1.4.1. Kỳ tính giá thành.

Tùy thuộc vào yêu cầu quản lý về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm mà doanh nghiệp có thể tính giá thành sản phẩm theo tháng hoặc theo quý. Đối với những doanh nghiệp mà sản phẩm làm ra kéo dài rất nhiều năm như các Công ty xây dựng thì kỳ tính giá thành có thể theo năm hay theo thời gian mà sản phẩm hoàn thành.

### 1.4.2. Các phương pháp tính giá thành sản phẩm.

Phương pháp tính giá thành sản phẩm là phương pháp sử dụng số liệu chi phí sản xuất đã tập hợp được để tính ra tổng giá thành và giá thành đơn vị thực tế của sản phẩm, lao vụ, dịch vụ đã hoàn thành theo các khoản mục giá thành. Tùy vào đặc điểm của doanh nghiệp mà áp dụng theo các phương pháp tính giá thành



khác nhau. Cụ thể:

**\* Phương pháp trực tiếp (phương pháp giản đơn).**

Phương pháp này được áp dụng trong các doanh nghiệp thuộc loại hình sản xuất giản đơn, số lượng mặt hàng ít, sản xuất với khối lượng lớn và chu kỳ sản xuất ngắn như các nhà máy điện, nước, các doanh nghiệp khai thác (quặng, than, gỗ...).

Theo phương pháp này, căn cứ vào chi phí sản xuất tập hợp được trong kỳ theo từng khoản mục chi phí và căn cứ vào giá trị sản phẩm làm dở đầu kỳ và cuối kỳ để kế toán tính ra tổng giá thành của sản phẩm trong kỳ.

Công thức tính tổng giá thành sản phẩm :

$$\begin{array}{l} \text{Tổng giá thành} \\ \text{sản phẩm} \\ \text{hoàn thành} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị sản phẩm} \\ \text{dở dang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí sản} \\ \text{xuất trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị sản phẩm} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array}$$

Khi đó giá thành đơn vị được tính như sau:

$$\text{Giá thành đơn vị} = \frac{\text{Tổng giá thành}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành}}$$

**\* Phương pháp tính giá thành theo công việc (đơn đặt hàng).**

Áp dụng trong các doanh nghiệp thực hiện tổ chức sản xuất đơn chiếc hoặc sản xuất hàng loạt vừa và nhỏ theo từng đơn đặt hàng. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là sản phẩm, loạt sản phẩm, công việc theo đơn đặt hàng. Đối tượng tính giá thành là từng sản phẩm, loạt sản phẩm và đơn vị sản phẩm trong từng loạt, công việc của từng đơn đặt hàng, từng công việc.

Khi bắt đầu sản xuất kế toán giá thành mở cho mỗi nhóm sản phẩm một thẻ giá thành. Và hàng tháng, quý căn cứ vào chi phí sản xuất tập hợp được theo nhóm sản phẩm trong sổ kế toán chi tiết ghi sang thẻ tính giá thành liên quan. Khi nhận phiếu xác nhận sản phẩm hoàn thành, kế toán chỉ cần cộng chi phí sản xuất đã tập hợp được ở thẻ tính giá thành sẽ tính được giá thành của từng đơn đặt hàng.

**\* Phương pháp tính giá thành sản phẩm theo giá thành định mức.**

Áp dụng cho tất cả loại hình sản xuất khác nhau với điều kiện các chi phí sản xuất đã có định mức hợp lý.

- Tính giá thành định mức trên cơ sở các định mức và đơn giá tại thời điểm tính giá thành.

- Xác định số chênh lệch do thay đổi định mức.

$$\text{Số thay đổi định mức} = \text{Định mức mới} - \text{Định mức cũ}$$

- Xác định số chênh lệch do thoát ly định mức.

$$\text{Thoát ly định mức} = \text{Chi phí thực tế} - \text{Chi phí định mức}$$

Từ đó, tiến hành xác định giá thành thực tế sản phẩm bằng cách:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành} & & \text{Giá thành} & & \text{Chênh lệch} & & \text{chênh lệch so với} \\ \text{thực tế} & = & \text{định mức} & + & \text{do} & + & \text{định mức} \\ \text{sản phẩm} & & \text{sản phẩm} & & \text{thay đổi định mức} & & \text{bình thường} \end{array}$$

Ngoài 3 phương pháp tính giá thành chủ yếu trên, tùy thuộc vào đặc điểm tổ chức khác nhau mà các doanh nghiệp có thể sử dụng một số phương pháp tính giá thành khác như:

- \* Phương pháp tính giá thành loại trừ chi phí sản xuất của sản phẩm phụ.
- \* Phương pháp tính giá thành theo hệ số.
- \* Phương pháp tính giá thành theo tỉ lệ.
- \* Phương pháp tính giá thành phân bước có tính giá thành nửa thành phẩm.
- \* Phương pháp tính giá thành phân bước không tính giá thành bán thành phẩm.

### **1.5. Tổ chức sổ kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.**

Để tiến hành ghi chép sổ sách và xác định giá trị vật liệu nhập, xuất, tồn của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, kế toán tại doanh nghiệp sản xuất có thể áp dụng một trong các hình thức kế toán.

Theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành ngày 20/03/2006, các Doanh nghiệp sử dụng một trong các hình thức kế toán sau:

- Hình thức Nhật kí chung.

- Hình thức Nhật kí - sổ cái.
- Hình thức Chứng từ ghi sổ.
- Hình thức Nhật kí - chứng từ.
- Hình thức Kế toán trên máy vi tính.

### **1.5.1 Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung.**

#### **1.5.1.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung**

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt.
- Sổ cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

#### **1.5.1.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung**

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10 ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên Sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

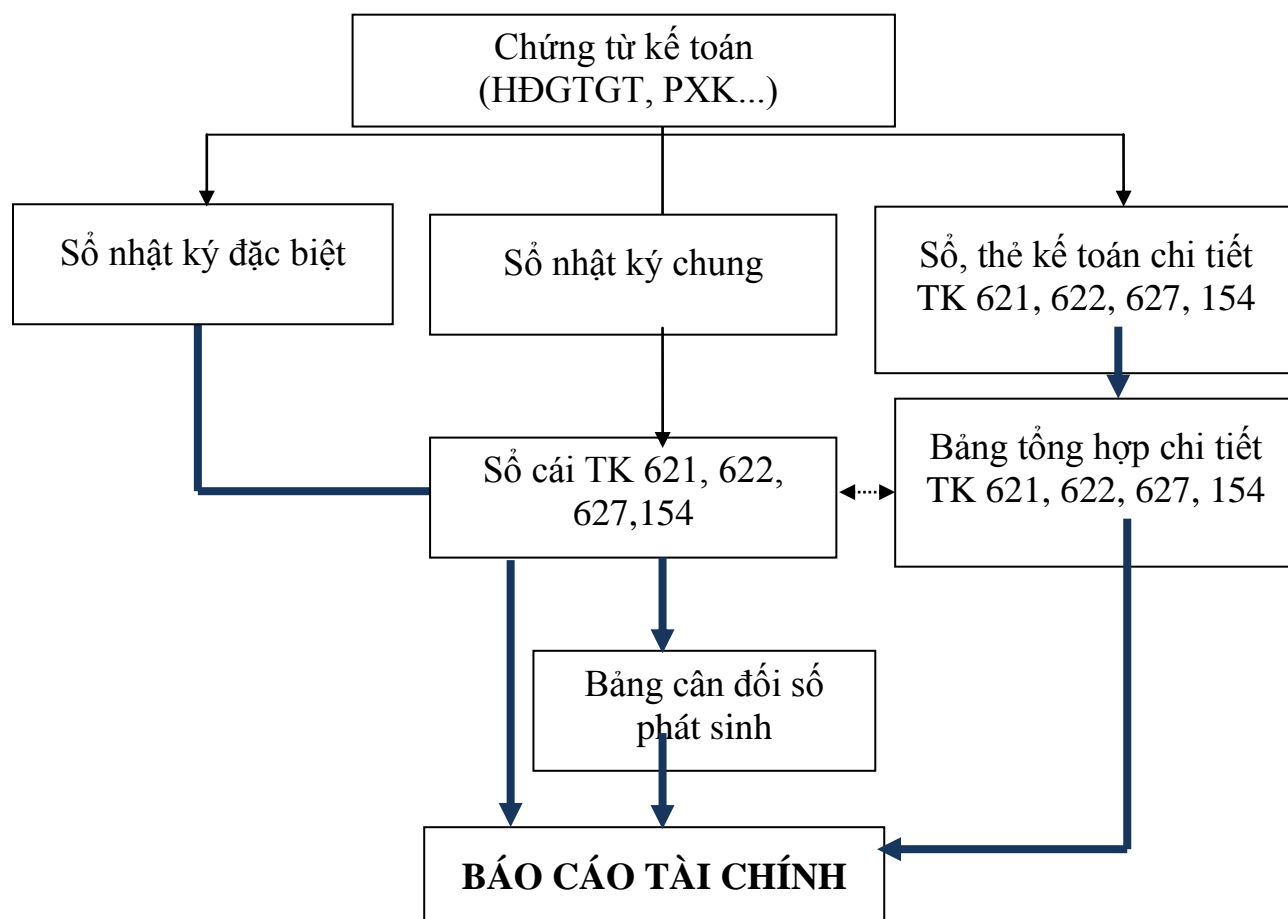
---

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các báo tài chính.

Về nguyên tắc, tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (Hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.5 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung:



### Ghi chú:

Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ:  $\longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu:  $\longleftrightarrow$

### 1.5.2 Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký - Sổ cái.

#### 1.5.2.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký – Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

**1.5.2.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái**

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký - Sổ cái. Số liệu của mỗi chứng từ (hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả 2 phần nhật ký và phần sổ cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại (Phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập...) phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định 1 đến 3 ngày. Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký - Sổ cái, được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng Sổ Nhật ký – Sổ cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào sổ phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng của từng tài khoản trên Nhật ký - Sổ cái.

Khi kiểm tra, đối chiếu số cộng cuối tháng (cuối quý) trong Sổ Nhật ký - Sổ cái phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Tổng số tiền của cột “Phát sinh” ở phần Nhật ký bằng Tổng số phát sinh Nợ của tất cả các tài khoản bằng Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản.
- Tổng số dư Nợ các tài khoản bằng tổng số dư Có các tài khoản.

Các sổ, thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khóa sổ để cộng số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. Căn cứ vào số liệu khoa sổ của các đối tượng lập Bảng tổng hợp chi tiết cho từng tài khoản. Số liệu trên Bảng tổng hợp chi tiết được đối chiếu với số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và số dư cuối tháng của từng tài khoản trên sổ Nhật ký – Sổ cái.

Số liệu trên Nhật ký – Sổ cái và trên Bảng tổng hợp chi tiết sau khi khóa sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

### **1.5.3 Trình tự ghi sổ theo hình thức Chứng từ ghi sổ.**

#### **1.5.3.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ.
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.
- Sổ cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

#### **1.5.3.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào sổ cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập chứng từ ghi sổ được dùng ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, tính ra tổng số phát sinh Nợ, tổng số phát sinh Có và số dư của từng tài khoản trên Sổ cái. Căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng tổng số tiền phát sinh trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và tổng số dư Có của các tài khoản trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và số dư của từng tài khoản trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên bảng tổng hợp chi tiết.

### **1.5.4 Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký - chứng từ.**

#### **1.5.4.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ**

- Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế.

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau: Nhật ký chứng từ, Bảng kê, Sổ cái, Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

#### **1.5.4.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ**

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký – Chứng từ hoặc bảng kê, sổ chi tiết có liên quan. Đối với các loại chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các bảng kê và nhật ký chứng từ có liên quan. Đối với Nhật ký – Chứng từ được ghi căn cứ vào bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký – Chứng từ.



Cuối tháng khóa sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký – Chứng từ với các sổ, thẻ chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các nhật ký chứng từ ghi trực tiếp vào sổ cái. Đối với các chứng từ có liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các sổ, thẻ có liên quan. Cuối tháng cộng các sổ, thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào đó để lập bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với sổ cái. Số liệu tổng cộng ở sổ cái và một số sổ chi tiết trong nhật ký chứng từ, bảng kê, bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

### **1.5.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính.**

#### **1.5.5.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính**

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

#### **1.5.5.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính**

Hàng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Theo quy định của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động cập nhật vào sổ kế toán tổng hợp và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan. Cuối tháng, kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được cập nhật trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy. Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

**CHƯƠNG 2**

**THỰC TRẠNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ  
SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY  
TNHH LAN PHỐ**

**2.1. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty .**

**2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty .**

Công ty TNHH Lan Phố

- Tên đầy đủ: Công ty trách nhiệm hữu hạn Lan Phố
- Địa điểm: Thôn Bắc – Xã Lưu Kiếm- Huyện Thủy Nguyên- TP Hải Phòng.
- Điện thoại: 0313.915.277
- Fax: 0313.915.955
- Giám đốc Công ty : Lê Thị Phố
- Mã số thuế: 0200738041
- Giấy CNĐKKD số: 0200738041

**Quyết định thành lập Công ty .**

Công ty TNHH Lan Phố được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200738041 cấp ngày 24 tháng 04 năm 2007

Vốn điều lệ: 72.000.000.000 đồng (Bảy mươi hai tỷ đồng chẵn)

**Ngành nghề kinh doanh:**

- Sản xuất vật liệu từ đất sét, sản xuất sản phẩm nhựa từ plastic, sản xuất sợi, đồ gỗ xây dựng.
- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, xây dựng công trình giao thông, công trình điện chiếu sáng, viễn thông; phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng.
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp-thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí.

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

- Bán buôn, bán lẻ than đá và các nhiên liệu rắn khác; bán buôn, bán lẻ gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; bán lẻ than nhiên liệu dùng trong gia đình và các cửa hàng chuyên doanh.

- Kinh doanh, vận tải hàng hóa bằng thủy bộ, vận tải hàng hoá thủy nội địa
- Kinh doanh khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ, dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

### ***Các giai đoạn phát triển của Công ty***

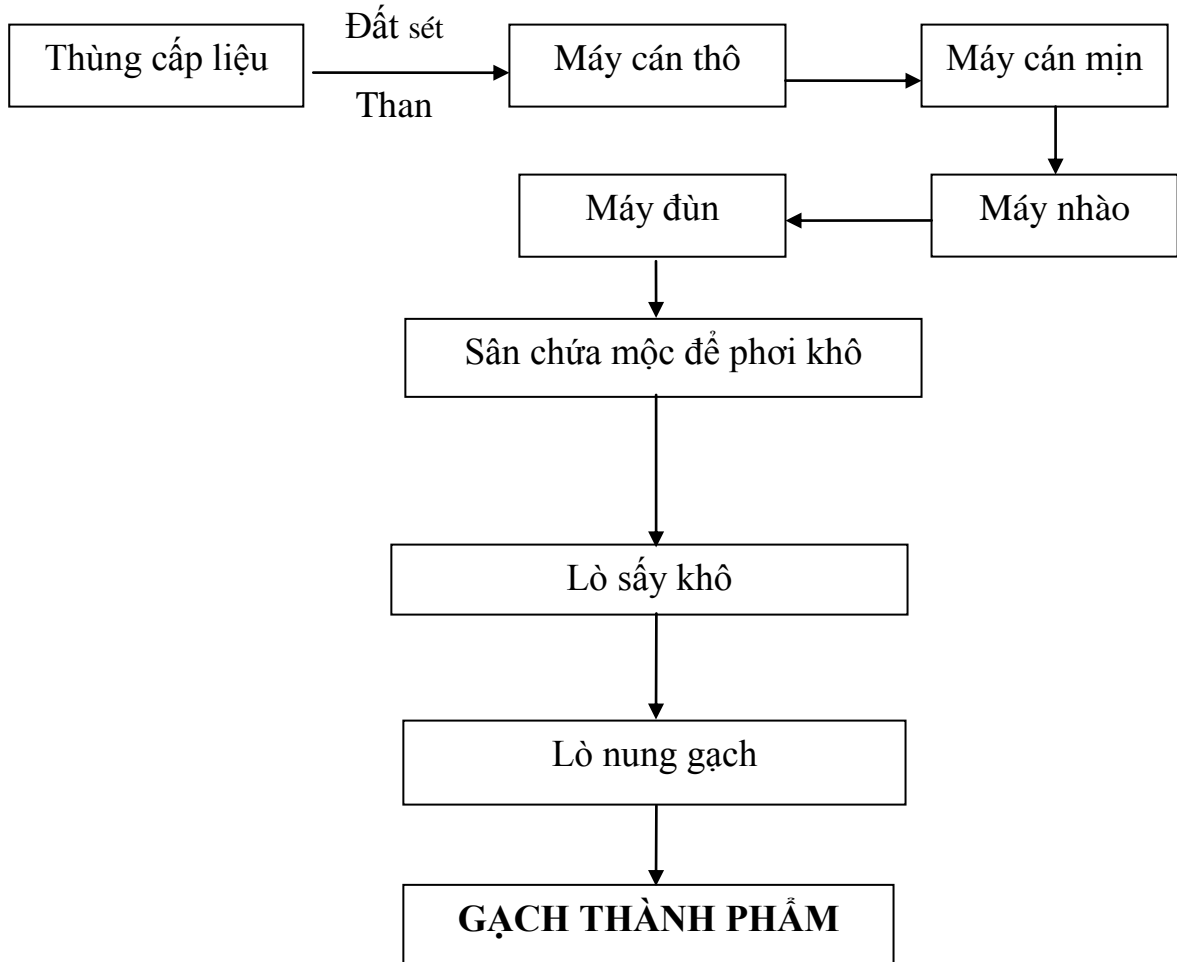
Công ty TNHH Lan Phố là một Công ty mới, được thành lập vào ngày 24/04/2007 theo giấy phép số 0200738041 do sở kế hoạch đầu tư thành phố Hải Phòng cấp và chính thức đi vào hoạt động tháng 5/2007. Ban đầu trụ sở Công ty đặt tại Thôn 5 - xã Tân Dương - huyện Thủy Nguyên – thành phố Hải Phòng. Ngày 12/05/2009 Công ty chuyển trụ sở về thôn Bắc – xã Lưu Kiếm – huyện Thủy Nguyên – thành phố Hải Phòng để thuận tiện cho công tác quản lý vì đây là nơi đặt toàn bộ nhà xưởng, máy móc, thiết bị của Công ty. Tuy là một doanh nghiệp mới được thành lập nhưng Công ty có một hệ thống nhà xưởng máy móc hiện đại, các cấp quản lý có trình độ chuyên môn, giàu kinh nghiệm, đội ngũ công nhân viên trẻ, năng động, được đào tạo có bài bản, chính quy, tiếp thu nhanh những kiến thức mới, các sản phẩm của Công ty ngày càng thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, phù hợp với sự phát triển chung của nền kinh tế Việt Nam, khu vực và thế giới.

### **2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty .**

Công ty TNHH Lan Phố là một đơn vị sản xuất các sản phẩm gạch nung tuynel. Vì vậy để sản xuất các loại sản phẩm trên Công ty đã bố trí cơ cấu dây truyền hợp lý, chuyên môn hoá sản xuất để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của phân xưởng, tổ, đội sản xuất. Tổ chức sản xuất của Công ty TNHH Lan Phố có đặc biệt nổi bật là sản xuất các loại gạch khác nhau nhưng có chung quy trình công nghệ sản xuất.

Cụ thể, sơ đồ quy trình sản xuất:

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ dây chuyền sản xuất gạch tuynel



*Chú giải:* Gạch nung là sản phẩm từ đất sét, than cám để tạo ra được thành phẩm phải trải qua nhiều khâu, bao gồm các bước sau:

- Đất sét sau khi ngâm ủ theo đúng thời gian quy định từ trại chứa được xúc đổ vào thùng tiếp liệu để đưa vào công đoạn sơ chế. Công đoạn sơ chế lần lượt gồm: Tiếp liệu —> Tách đá —> Nghiền thô —> Nghiền tinh.

- Sau khi sơ chế nguyên liệu đất sét được đưa vào máy nhào trộn 2 trục để trộn với than cám nhằm đạt độ dẻo cần thiết để đưa qua máy đùn hút chân không đưa nguyên liệu vào khuôn để tạo ra sản phẩm gạch mộc. Sản phẩm gạch mộc sau khi có hình dáng chuẩn được vận chuyển lên trại phơi để phơi tự nhiên hoặc sấy phòng trong trường hợp cần thiết cho đến khi sản phẩm đạt độ khô thích hợp.

- Xếp phơi sản phẩm gạch mộc lên xe goòng (đối với lò nung tuynel) xông – sấy trong lò nung trong một khoản thời gian nhất định, sau đó chuyển sang lò

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

nung để nung ở nhiệt độ khoảng 900 độ C, sau đó sản phẩm được làm nguội ngay trong lò cho ra thành phẩm.

- Sản phẩm sau khi nung được đưa ra lò, phân loại và vận chuyển vào bãi chứa thành phẩm.

### **\* Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty .**

Để đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh diễn ra bình thường Công ty TNHH Lan Phố luôn duy trì mối quan hệ thân thiết với khách hàng và các đối tác để đảm bảo được thị trường tiêu thụ, nguồn cung cấp nguyên vật liệu, mặt khác cũng tìm kiếm và mở rộng phạm vi kinh doanh ra thị trường.

Trải qua một quá trình nỗ lực phấn đấu, Công ty đã có những bước phát triển đáng kể. Trong kế hoạch mở rộng quy mô cả về số lượng và chất lượng, Công ty đã đề ra các biện pháp. Biện pháp chủ yếu của Công ty là tập trung cho công tác tiếp thị ổn định thị trường hiện tại, mở mang thêm thị trường mới, đồng thời chú trọng phát triển nguồn nhân lực, tăng cường nhập thiết bị nguyên liệu phục vụ sản xuất, từ tích lũy của Công ty từng bước bổ sung thêm vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Để có thể nhìn rõ hơn tình hình phát triển của Công ty , sau đây là một số chỉ tiêu của Công ty đã đạt được trong những năm gần đây:

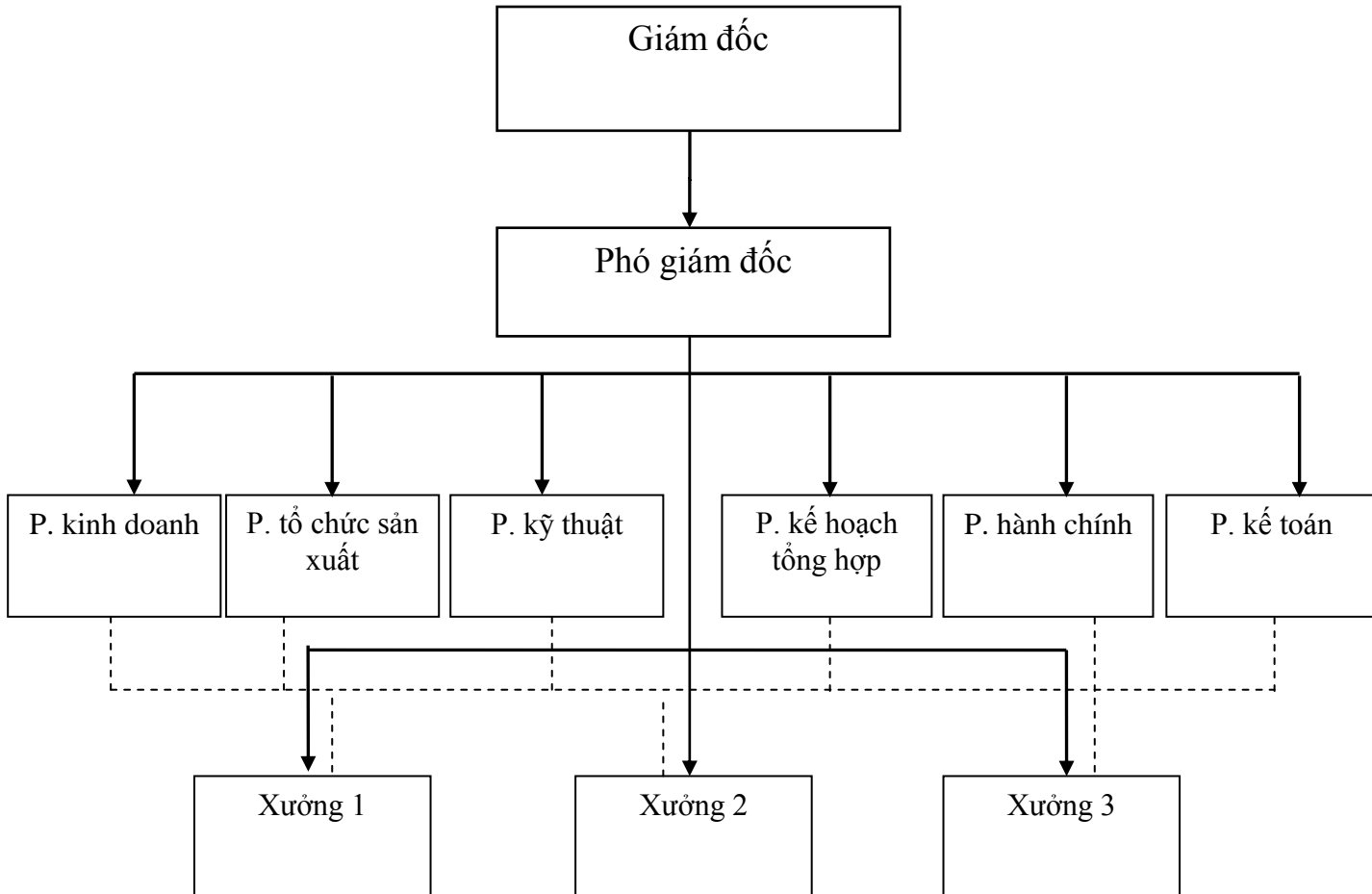
Thông tin tài chính	Năm 2009	Năm 2010	Chênh lệch	
			Số tuyệt đối	Số tương đối
1.Tổng tài sản	34.268.125.289	37.296.415.023	3.028.289.734	9%
2.Tổng nợ phải trả	26.236.892.230	28.744.481.939	2.507.589.709	10%
3.Nguồn vốn CSH	8.031.233.059	8.551.933.084	520.700.025	6%
4.Doanh thu	18.562.486.051	23.146.252.125	4.583.766.074	25%
5.Lợi nhuận trước thuế	2.223.895.320	2.905.174.672	681.279.352	31%
6.Lợi nhuận sau thuế	1.601.204.630	2.178.881.004	577.676.374	36%

Qua số liệu trên ta thấy: Năm 2010, các chỉ tiêu tài chính tăng mạnh so với năm 2009. Đặc biệt là doanh thu năm 2010 tăng 25% so với năm 2009, lợi nhuận

sau thuế năm 2010 tăng 36% so với năm 2009. Tất cả các bước đi trên đã mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cao cho toàn Công ty trong năm 2010.

**2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty**

**Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý**



***Đặc điểm:***

Các phòng chức năng có nhiệm vụ tham mưu giúp việc, theo dõi, nghiên cứu đề xuất, tư vấn cho cấp trên trực tuyến nhưng lại không có quyền giao mệnh lệnh cho các bộ phận sản xuất. Các xưởng chỉ nhận mệnh lệnh sản xuất từ lãnh đạo cấp trên, các ý kiến của những phòng ban quản lý chỉ mang tính tư vấn nghiệp vụ.

- Ưu điểm cơ cấu trực tuyến-chức năng:

+ Ưu: Có sự chuyên môn hóa cao ở các phòng ban, nhân viên tập trung vào chuyên môn. Không đòi hỏi quá nhiều kiến thức ở người lãnh đạo. Dễ lựa chọn, tuyển dụng được nhân viên mới theo yêu cầu công việc.

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

+ Nhược: Chế độ trách nhiệm có phần chưa rõ ràng, đôi khi dễ xảy ra mâu thuẫn trong công việc.

### ***Sơ lược chức năng từng phòng ban:***

- Giám đốc: Điều hành chung, chỉ đạo toàn diện hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty .

- Phó giám đốc:

+ Thay mặt giám đốc điều hành các công việc thường ngày khi giám đốc đi vắng. Giúp giám đốc Công ty trong công tác quản trị điều hành, kịp thời báo cáo phát sinh bất thường tại Công ty .

+ Trực tiếp phụ trách các vấn đề liên quan tới sản xuất, kinh doanh của Công ty .

+ Thực hiện công tác đối nội trong nội bộ Công ty , các quan hệ liên quan đến chính quyền và các ban ngành tại địa phương

- Phòng kế hoạch tổng hợp: Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh tháng, quý, năm của Công ty, theo dõi và chỉ đạo chung quá trình thực hiện sản xuất kinh doanh, báo cáo phân tích kết quả sản xuất và hiệu quả, chỉ đạo và hướng dẫn công tác sản xuất, kinh doanh. Giao kế hoạch sản xuất kinh doanh cho các xưởng, tổ đội sản xuất.

- Phòng kinh doanh: Tổ chức thực hiện các vấn đề liên quan tới mua bán các máy móc, vật tư, thành phẩm, bán thành phẩm, kho bãi, hàng hóa thuộc Công ty phụ trách.

- Phòng kỹ thuật: Lập, thiết kế, kiểm tra quy cách kỹ thuật của các bản vẽ mẫu bao bì. Nghiên cứu, cập nhật các vấn đề liên quan tới kỹ thuật, áp dụng các kỹ thuật sản xuất mới vào Công ty. Chỉ đạo, giám sát công việc theo đúng công nghệ - kỹ thuật, kiểm tra phát hiện các sai sót, hạn chế của quá trình sản xuất; hướng dẫn điều chỉnh, cải tiến kịp thời các máy móc, thiết bị trong quá trình thực hiện. Tổ chức thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, thiết bị. Tổng hợp, báo cáo về hệ thống trang thiết bị, máy móc của Công ty và đề xuất mua sắm, sửa chữa.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

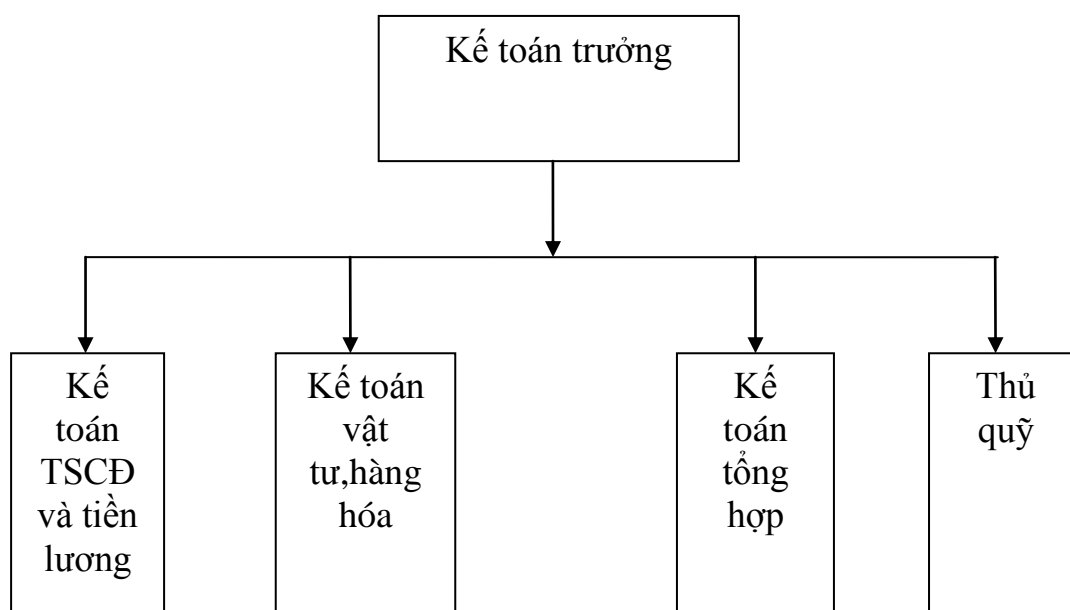
- Phòng kế toán: Quản lý công tác thu- chi dòng tiền của Công ty .Theo dõi, tính toán đảm bảo tính chính xác về nguồn vốn, công nợ. Hạch toán hiệu quả sản xuất kinh doanh của toàn Công ty theo thời gian.

- Phòng hành chính: Thực hiện việc quản lý các chính sách về nguồn nhân sự, theo dõi ý thức, thái độ, lương thưởng, tuyển dụng, đào tạo, đánh giá thực hiện công việc của công nhân viên, khuyến khích, động viên nhắc nhở, đề xuất khen thưởng hay kỷ luật và các vấn đề liên quan tới tâm lý đời sống công nhân viên trong Công ty .

- Phòng tổ chức sản xuất: Điều hành hoạt động sản xuất của Công ty theo nhiệm vụ, kế hoạch được giao. Cân đối năng lực sản xuất của Công ty , chủ động đề xuất các giải pháp nâng cao hệ số khai thác, sử dụng máy móc và nguồn nhân lực của Công ty. Tổ chức phân công công việc, đôn đốc, hướng dẫn công nhân trong ca sản xuất đảm bảo đúng tiến độ, yêu cầu chất lượng. Phụ trách công tác an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ tại các tổ sản xuất, đảm bảo ngăn ngừa hiệu quả các nguy cơ mất an toàn lao động có thể xảy ra.

### 2.1.4. Đặc điểm Công tác tổ chức kế toán của Công ty .

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán



- Kế toán trưởng



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Là người phụ trách công tác kế toán cho Công ty, tham mưu cho giám đốc đề xuất các biện pháp tài chính hiệu quả. Bên cạnh đó kế toán trưởng phải theo dõi các nghĩa vụ với nhà nước và chịu trách nhiệm trước cơ quan pháp luật về số liệu kế toán của Công ty .

- Kế toán TSCĐ và tiền lương

Phụ trách công việc tính lương cho cán bộ công nhân viên trong Công ty, trích các khoản theo quy định đối với từng các bộ công nhân viên. Theo dõi TSCĐ của Công ty, trích khấu hao và xác định giá trị còn lại của từng tài sản.

- Kế toán tổng hợp

Bao quát tất cả các số liệu về giá thành, tiền mặt, NVL, doanh thu.... để có thể cung cấp các số liệu cho kế toán trưởng chính xác và kịp thời.

- Thủ quỹ

Có nhiệm vụ thu chi tiền mặt trên cơ sở chứng từ thu chi, giấy đề nghị thanh toán, tạm ứng và lập báo cáo quỹ tiền mặt theo quy định

- Kế toán vật tư hàng hoá:

Chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng kế toán về việc theo dõi, hạch toán vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hoá tài khoản sử dụng 152, 153, 156, 155. Cuối tháng kiểm kê đối chiếu giữa sổ sách và thực tế. Khi có phát hiện thừa thiếu thì báo cáo lãnh đạo để có phương pháp giải quyết kịp thời.

### ***Tổ chức hệ thống chứng từ, hệ thống tài khoản***

Công ty áp dụng theo quy định số 15/2006/QĐ – BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

### ***Tổ chức sổ kế toán của Công ty***

Công ty hạch toán sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung, áp dụng quản lý trên phần mềm kế toán ITSOFT-ERP

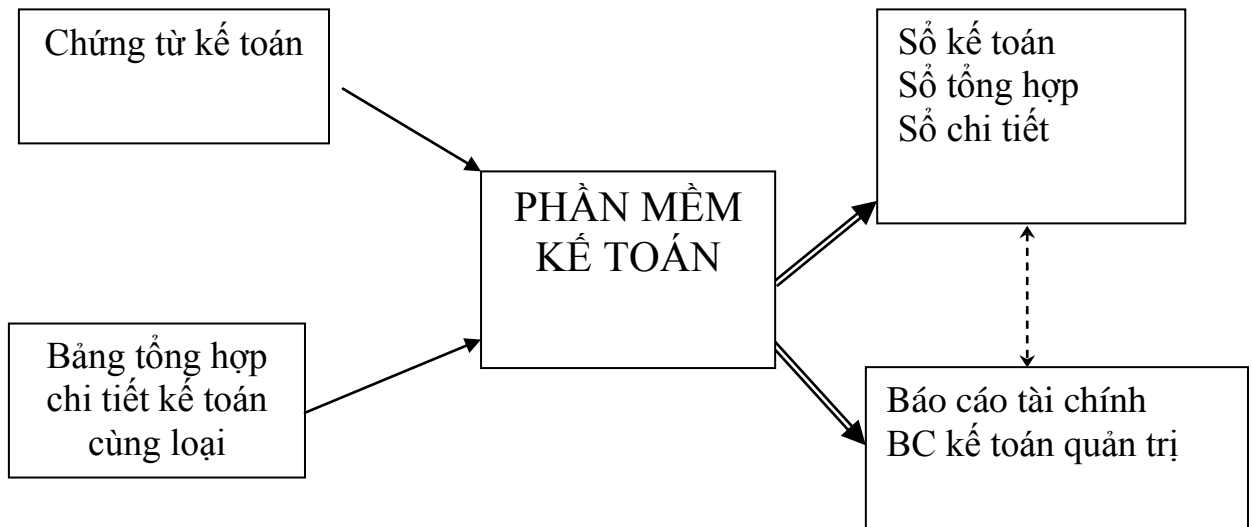
### ***Tổ chức báo cáo kế toán tại Công ty .***

Niên độ kế toán tại Công ty bắt đầu từ ngày 01/01/N kết thúc ngày 31/12/N. Để cung cấp thông tin tình hình tài chính của Công ty trong 1 niên độ kế toán Công ty sử dụng các báo cáo kế toán sau:

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- |   |                 |
|---|-----------------|
| - Bảng cân đối kế toán:                 | Mẫu số B01 - DN |
| - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: | Mẫu số B02 – DN |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:           | Mẫu số B03 - DN |
| - Thuyết minh báo cáo tài chính:        | Mẫu số B09 – DN |

**Sơ đồ 2.4: Sơ đồ trình tự luân chuyển chứng từ theo hình thức kế toán máy.**



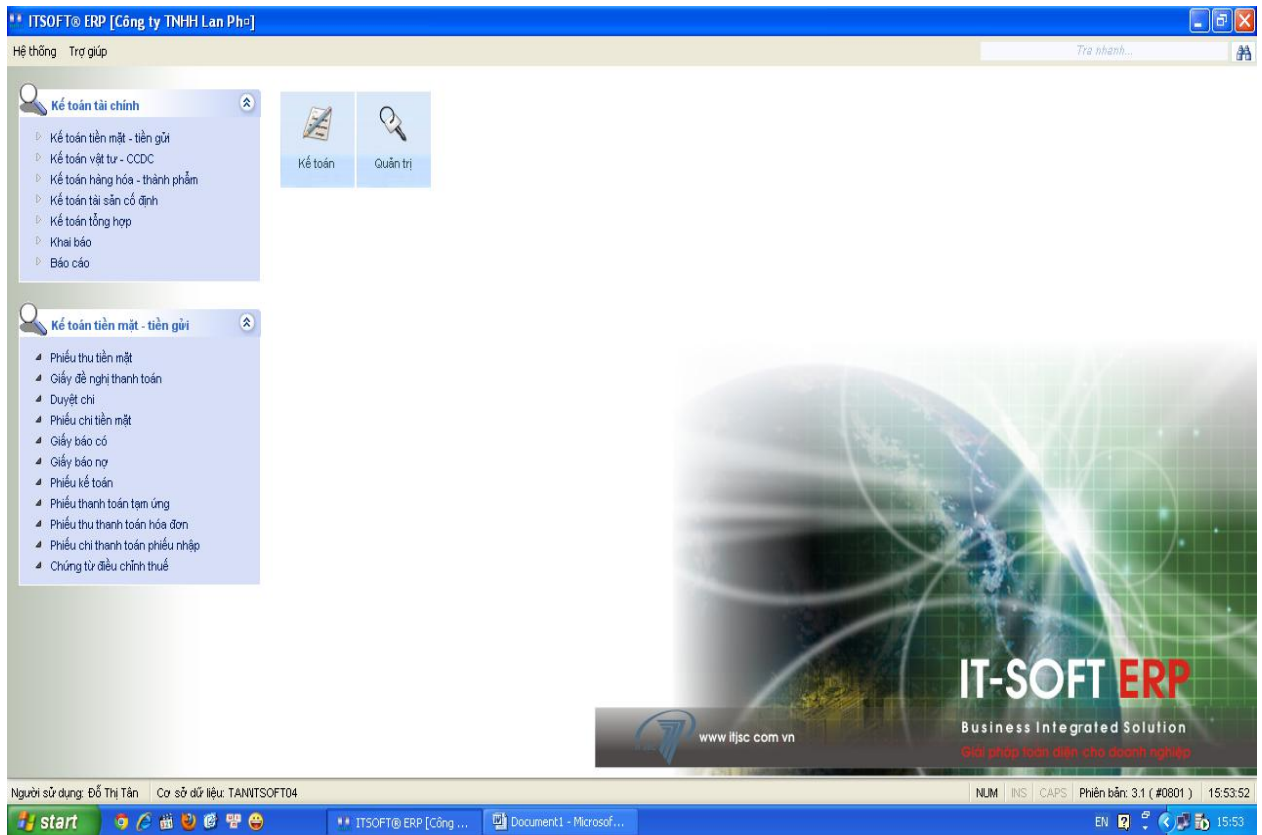
### Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng
- ←-----> Kiểm tra, đối chiếu

Trình tự hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vẫn theo đúng trình tự hình thức Nhật ký chung. Hàng ngày khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán có sẵn hoặc tiến hành lập theo phân hành kế toán đã được phân loại vào sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh của nghiệp vụ, chọn mã TK sử dụng và phần mềm tự động chạy đến các sổ kế toán chi tiết và sổ kế toán tổng hợp.

Giao diện chính của phần mềm ITSOFT-ERP như giao diện dưới đây

**Biểu 2.1: Giao diện phần mềm kế toán ITSOFT-ERP**



*Nguồn: Phòng Kế toán Công ty*

Tùy thuộc vào từng phần hành của mọi người mà có quyền nhập liệu, xem các báo cáo, tìm kiếm dữ liệu... theo sự phân quyền của Kế toán trưởng khi người đó bắt đầu tiếp quản công việc cũng như phần hành kế toán của mình.

Việc áp dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán trong Công ty là một bước phát triển thể hiện Công ty đã nhanh chóng tiếp cận kịp thời xu hướng mới, những ứng dụng của khoa học kỹ thuật và công nghệ thông tin vào công tác quản lý của mình.

## **2.2. Thực trạng tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Lan Phô**

### **2.2.1. Đối tượng và phương pháp tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm**

#### **2.2.1.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất.**

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất có liên quan trực tiếp đến hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, ảnh hưởng đến tính chính xác của thông tin kế toán. Nhận biết được tầm quan trọng này, Công ty đã xác định đối tượng tập hợp chi

phí sản xuất trên cơ sở đặc điểm quy trình công nghệ, đặc điểm sản phẩm.

Công ty TNHH Lan Phổ là Công ty chuyên sản xuất các loại gạch xây dựng với nhiều sản phẩm khác nhau. Quy trình sản xuất có tính đồng nhất cao. Dựa trên đặc điểm đặc thù này mà Công ty xác định đối tượng tập hợp chi phí theo từng loại sản phẩm.

### 2.2.1.2. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất

- Phương pháp trực tiếp: áp dụng để tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- Phương pháp gián tiếp: áp dụng để tập hợp chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung.

### 2.2.1.3. Đối tượng và kỳ tính giá thành

Dựa vào đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất, Công ty TNHH Lan Phổ sản xuất nhiều loại gạch khác nhau, tập hợp chi phí sản xuất riêng cho từng sản phẩm nên đối tượng tính giá thành là sản phẩm hoàn thành cuối cùng của mỗi loại.

Để xác định kỳ tính giá thành sản phẩm cho từng đối tượng tính giá thành thì phải căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và chu kỳ sản xuất sản phẩm của Công ty. Sản phẩm của Công ty có chu kỳ rất ngắn, số lượng sản phẩm hoàn thành hàng ngày lớn nên Công ty chọn kỳ tính giá là tháng. Việc này giúp cung cấp thông tin về giá thành sản phẩm được cập nhật kịp thời, nhất là khi giá cả thị trường biến động như thời gian gần đây.

### 2.2.1.4. Phương pháp tính giá thành sản phẩm

Giá thành sản phẩm của Công ty TNHH Lan Phổ được xác định theo phương pháp giản đơn, công thức như sau:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Tổng giá thành} & & \text{Chi phí sản} & & \\ \text{sản phẩm hoàn} & = & \text{xuất phát} & & \\ \text{thành trong kỳ} & & \text{sinh trong} & & \\ & & \text{kỳ} & & \\ & & & & \\ \text{Giá thành} & & \text{Tổng giá thành gạch loại } i \text{ hoàn thành trong kỳ} & & \\ \text{đơn vị của} & = & \text{-----} & & \\ \text{gạch loại } i & & \text{Số lượng gạch loại } i \text{ hoàn thành trong kỳ} & & \end{array}$$

Trong giới hạn phạm vi đề tài, em chỉ tiến hành tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của gạch mộc 2 lỗ.

### **2.2.2. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

Để thực hiện quá trình sản xuất kinh doanh, nguyên vật liệu trực tiếp đóng vai trò vô cùng quan trọng trong số những yếu tố đầu vào của sản xuất. Tại Công ty TNHH Lan Phô, nguyên vật liệu trực tiếp được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Do vậy, đòi hỏi việc cập nhật thường xuyên thông tin về nhập, xuất nguyên vật liệu.

Nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm: than cám, đất sét.

Công ty sử dụng TK 621: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp để tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp của từng sản phẩm

TK 621.0018: Tài khoản chi phí NVL trực tiếp của gạch mộc 2 lỗ

TK 621.0027: Tài khoản chi phí NVL trực tiếp của gạch mộc 4 lỗ

TK 621.0036: Tài khoản chi phí NVL trực tiếp của gạch mộc 6 lỗ

TK 621.0045: Tài khoản chi phí NVL trực tiếp của gạch mộc 8 lỗ

TK 621.0066: Tài khoản chi phí NVL trực tiếp của gạch đặc.

Hàng ngày, theo kế hoạch sản xuất của phòng Kế hoạch tổng hợp tính ra nhu cầu nguyên vật liệu dựa trên định mức tiêu hao nguyên vật liệu của từng sản phẩm và lập phiếu đề nghị xuất nguyên vật liệu. Thủ kho nguyên vật liệu căn cứ vào số lượng và chủng loại ghi trên phiếu đã được phê duyệt để tiến hành xuất nguyên vật liệu và ghi thẻ kho. Cuối tháng, kế toán nguyên vật liệu dựa vào các phiếu đề nghị xuất kho và số thực tế đã xuất để lập Phiếu xuất kho. Phiếu xuất kho là chứng từ để ghi sổ kế toán, được lập thành 2 liên

- Liên 1: Kế toán nguyên vật liệu giữ để tiến hành đối chiếu cuối kỳ.
- Liên 2: Được giao cho nhân viên phân xưởng (đơn vị sử dụng) để cuối tháng làm báo cáo quyết toán vật tư sử dụng trong kỳ.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Hiện nay, Công ty áp dụng phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ để xác định giá trị nguyên vật liệu xuất kho. Theo phương pháp này, giá trị nguyên vật liệu xuất kho được xác định như sau:

$$\text{Giá trị NVL xuất kho} = \text{Số lượng NVL xuất kho} \times \text{Đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ}$$

$$\text{Đơn giá bình quân của NVL } i \text{ xuất dùng} = \frac{\text{Trị giá NVL } i \text{ tồn kho đầu tháng} + \text{Tổng trị giá thực tế NVL } i \text{ nhập kho trong tháng}}{\text{Số lượng NVL } i \text{ tồn kho đầu tháng} + \text{Số lượng NVL } i \text{ nhập kho trong tháng}}$$

VD: Dựa vào Sổ chi tiết vật liệu sản phẩm hàng hóa theo dõi cho đất sét có các số liệu sau:

- Số lượng tồn kho đầu tháng: 182.295 m<sup>3</sup> với trị giá 11.041.795.091 đ
- Tổng lượng nhập trong tháng: 0 m<sup>3</sup> với trị giá 0 đ

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá bình quân của đất sét} &= \frac{11.041.795.091}{182.280} \\ &= 60.574 \text{ (đ/m}^3\text{)} \end{aligned}$$

Tương tự, đơn giá xuất kho của nguyên vật liệu than cám : 511.733 (đ/tấn)

Ngày 02/9/2011, xuất kho than cám, đất sét sản xuất gạch mộc 2 lỗ.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Tên đơn vị : Công ty TNHH Lan Phố

Địa chỉ : Thôn Bắc-Xã Lưu Kiếm-Huyện Thủy Nguyên-HP

### PHIẾU XUẤT KHO

Số : 1109/001

Ngày 02 tháng 09 năm 2011

Họ tên người nhận hàng : Nguyễn Văn Trường

Địa chỉ (bộ phận) : Phân xưởng sản xuất

Lý do xuất kho : Xuất dùng cho sản xuất gạch mộc 2 lỗ

Xuất tại kho ...006 – kho Công ty .....

S tt	Tên vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Than Cám	TC	Tấn	664	663.17		
2	Đất sét	DC	M <sup>3</sup>	4800	4790.45		
	<b>Cộng</b>						

Tổng số tiền (viết bằng chữ) : .....

Xuất, ngày 02 tháng 9 năm 2011

Người lập

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Thủ trưởng

Từ Phiếu xuất kho, kế toán nhập dữ liệu vào máy tính, phần mềm kế toán xử lý dữ liệu, tự động ghi vào sổ chi tiết TK 152, TK 621.0018; Sổ Nhật ký chung; Sổ cái TK 621.

## Biểu 2.2: Xuất NVL sản xuất gạch mộc 2 lỗ

**Phiếu xuất NVL cho sản xuất, giá trung bình**

Danh sách chứng từ | Chi tiết chứng từ

Ngày chứng từ: 02/09/2011 | Số chứng từ: PX1109/001 | Mã ngoại tệ: VND | Tỷ giá: 1

Nơi nhận: [0001] Sản xuất | Người nhận: [ ]

Diễn giải: Xuất kho nguyên vật liệu sản xuất gạch mộc

Xuất cho SP: [0018] Gạch mộc 2 lỗ | Số lượng SP: 0.0000 |  Cập nhật từ định mức

Cập nhật chi tiết

Mã kho	Tên kho	Mã nguồn lực	Tên nguồn lực	Đơn vị	Tồn kho	Số lượng	Giá	T
0006	Kho công ty	0002	Đất Sét	M3	177.494.51	4.790.4500	60.574	
0006	Kho công ty	0003	Than Cám	Tấn	4.946.5200	663.1700	511.733	

Thành tiền: 629.544.562  
 Tiền chi phí: [ ]  
 Tổng cộng: 629.544.562

F8 Xóa dòng - F9 Nhận - F10 Nhận, Mới - ESC Không nhận

ERP ed Solution

Người sử dụng: Đỗ Thị Tân | Cơ sở dữ liệu: TANITSOFT04 | Phiên bản: 3.1 (#0801) | 08:20:23

Nguồn: Phòng Kế toán Công ty



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### Biểu 2.3: Trích sổ nhật ký chung

Tên đơn vị: Công ty TNHH Lan Phố

Địa chỉ : Thôn Bắc- Xã Lưu Kiếm - Thủy Nguyên – HP

### NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 9 năm 2011

Ngày tháng ghi số	chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
30/09	PX1109/001	02/09	Xuất kho NVL sản xuất gạch mộc 2 lỗ	621.0018 152	629.544.561	629.544.561
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
03/09	PC1109/003	03/09	Thanh toán tiền mua bánh trung thu	642 133 111	16.681.818 1.668.182	18.350.000
04/09	GBC115	04/09	Công ty Nam Hưng thanh toán tiền hàng	112 131	20.000.000	20.000.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng chuyển sang trang sau</b>		<b>11.440.202.779</b>	<b>11.440.202.779</b>

*Nguồn : Phòng Kế toán Công ty*

**Biểu 2.4: Sổ chi tiết vật tư – Đất sét**

**CÔNG TY TNHH LAN PHỐ**  
Thôn 5 Tân Dương - Thủy Nguyên - Hải Phòng

Mẫu số S10-DN  
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**SỔ CHI TIẾT VẬT TƯ**  
Hàng hóa : [0002] Đất Sét  
Kho: [0006] Kho công ty  
Từ ngày 01/09/2011 đến ngày 30/09/2011

Đầu kỳ:	182 284 96	11 041 795 091
Nhập trong kỳ:		
Xuất trong kỳ:	4 790 45	290 178 444
Tồn cuối kỳ:	177 494 51	10 751 616 647

NGÀY CHỨNG TỪ	SỐ CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TÀI KHOẢN ĐỐI ƯNG	NHẬP		XUẤT	
	NHẬP	XUẤT			SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN
02/09/2011		PX1109/001	Xuất kho nguyên vật liệu sản xuất gạch mộc					
			Xuất kho nguyên vật liệu sản xuất gạch mộc	621-0018			4,790.45	290,178,444

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Ngày: ..... tháng ..... năm .....  
Giám đốc  
(Ký, họ tên)

Current Page No: 1      Total Page No: 1      Zoom Factor: 100%

*Nguồn: Phòng Kế toán Công ty*



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### Biểu 2.6 : Sổ cái tài khoản

Tên đơn vị: Công ty TNHH Lan Phố

Địa chỉ : Thôn Bắc- Xã Lưu Kiếm - Thủy Nguyên – HP

## SỔ CÁI

Tháng 9 năm 2011

Tên TK : Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Số hiệu : 621

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số tiền	
	Số	Ngày			Nợ	Có
30/09	PX1109/001	02/09	Sản xuất gạch mộc 2 lỗ	152	629.544.561	
30/09	PX1109/002	03/09	Sản xuất gạch mộc 6 lỗ	152	191.568.200	
.....	.....	.....	.....		.....	
30/09	PX1109/005	12/09	Sản xuất gạch mộc 4 lỗ	152	313.251.000	
.....	.....	.....	.....		.....	
30/09	PKC1109/001	30/9	Kết chuyển chi phí NVLTT	154		3.478.379.490
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>3.478.379.490</b>	<b>3.478.379.490</b>

*Nguồn: Phòng Kế toán Công ty*

**2.2.3. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp**

Do đặc điểm sản xuất tại Công ty TNHH Lan Phố, các loại gạch khác nhau đều được sản xuất bởi một quy trình công nghệ đồng nhất nên đều sử dụng chung một lượng lao động sống như nhau. Chi phí nhân công trực tiếp của Công ty được tập hợp chung cho toàn bộ ba phân xưởng sản xuất. Sau đó được phân bổ đều cho số lượng sản phẩm hoàn thành trong kỳ.

**Biểu 2.7: Bảng kê số lượng sản phẩm hoàn thành**

Công ty TNHH Lan Phố

Thôn Bắc – Xã Lưu Kiếm – Huyện Thủy Nguyên -HP

**BẢNG KÊ SỐ LƯỢNG SẢN PHẨM  
GẠCH MỘC HOÀN THÀNH**

Tháng 9 năm 2011

<b>STT</b>	<b>Sản phẩm</b>	<b>Số lượng</b>
1	Gạch đặc	2.245.123
2	Gạch mộc 2 lỗ	2.943.556
....	.....	.....
5	Gạch mộc 8 lỗ	1.598.265
	<b>Cộng</b>	<b>9.594.256</b>

*Nguồn: Phòng Kế toán Công ty*

Công ty sử dụng TK 622 - Chi phí nhân công trực tiếp để tập hợp chi phí tiền lương, phụ cấp, các khoản trích theo lương của công nhân sản xuất và nhân viên quản lý ba phân xưởng sản xuất rồi phân bổ cho từng sản phẩm theo số lượng sản phẩm hoàn thành.

TK 622.0018: Tài khoản chi phí nhân công trực tiếp của gạch mộc 2 lỗ

TK 622.0027: Tài khoản chi phí nhân công trực tiếp của gạch mộc 4 lỗ

TK 622.0036: Tài khoản chi phí nhân công trực tiếp của gạch mộc 6 lỗ

TK 622.0045: Tài khoản chi phí nhân công trực tiếp của gạch mộc 8 lỗ

TK 622.0066: Tài khoản chi phí nhân công trực tiếp của gạch đặc.

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

### **Lương công nhân sản xuất:**

Công ty TNHH Lan Phố sử dụng hình thức tiền lương thời gian để trả lương công nhân sản xuất... Như vậy, chi phí nhân công trực tiếp bao gồm:

- Tiền lương trả theo thời gian

- Phụ cấp trách nhiệm

• Lương trả theo thời gian được xác định:

Đơn giá tiền lương theo ngày công = Mức lương / 26 x Ngày công

Mức lương tối thiểu Công ty đang áp dụng: 830.000đồng/tháng

Tiền phụ cấp trách nhiệm: Công ty trả phụ cấp trách nhiệm cho mỗi quản đốc ở từng phân xưởng là 250.000đ/người/tháng, tổ trưởng ở tất cả các bộ phận thuộc phân xưởng là 200.000 đ/người/tháng.

Công nhân tại 3 phân xưởng do quản đốc từng phân xưởng phụ trách. Mỗi phân xưởng chia thành các tổ do tổ trưởng quản lý, chịu trách nhiệm trước quản đốc về công việc của tổ mình. Hàng ngày, tổ trưởng theo dõi tình hình lao động của công nhân trong tổ và chấm công. Cuối tháng, các tổ trưởng tổng hợp bảng chấm công, phiếu báo ốm, báo nghỉ... gửi cho quản đốc phân xưởng duyệt. Quản đốc phân xưởng gửi lên phòng Kế hoạch tổng hợp duyệt, sau đó chuyển sang phòng Kế toán. Trên cơ sở đó, kế toán lập Bảng thanh toán tiền lương.

### **Các khoản trích theo lương:**

Công ty TNHH Lan Phố trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo quy định hiện hành với tỷ lệ trích đưa vào chi phí nhân công trực tiếp đối với công nhân trong toàn Công ty như sau: BHXH 16%, BHYT 3% , BHTN 1% tính trên tiền lương cơ bản, KPCĐ 2% tính trên tổng quỹ lương.

### **Các khoản khấu trừ lương:**

Các khoản khấu trừ lương là các khoản BHXH, BHYT, BHTN mà người lao động phải chịu tính trên tổng tiền lương cơ bản. Cụ thể như sau: BHXH 6%, BHYT 1,5%, BHTN 1%.

Theo đó, kế toán tập hợp tất cả các Bảng thanh toán tiền lương của các tổ sản xuất, tính ra được tổng lương phải trả trong tháng 9 năm 2011 cho toàn bộ

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

phần sản xuất là: 1.075.506.390 (đ) trong đó, lương cơ bản là: 1.068.756.390 (đ).

Các khoản trích theo lương tính vào chi phí : 235.261.406 (đ)

BHXH : 171.001.022 (đ)      KPCĐ : 21.510.128 (đ)

BHTN : 10.687.564 (đ)      BHYT : 32.062.692 (đ)

Cuối tháng, phần mềm phân bổ chi phí nhân công cho các loại gạch trong tháng. Công thức như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{nhân công} \\ \text{của gạch loại } i \end{array} = \frac{\text{Số thành phẩm của gạch loại } i}{\text{Tổng số thành phẩm}} \times \begin{array}{l} \text{Tổng CP nhân công} \\ \text{của toàn bộ} \\ \text{bộ phận sản xuất} \end{array}$$

Căn cứ vào số gạch sản xuất được trong kỳ, chi phí nhân công trực tiếp của gạch một 2 lỗ trong kỳ như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{nhân công} \\ \text{của một 2 lỗ} \end{array} = \frac{2.943.556}{9.594.256} \times 1.075.506.390 = \mathbf{329.969.859 \text{ (đ)}}$$

Các khoản trích theo lương tính vào chi phí phân bổ cho gạch một 2 lỗ :

$$\text{BHXH} = \frac{2.943.556}{9.594.256} \times 171.001.022 = \mathbf{52.463.817 \text{ (đ)}}$$

$$\text{BHYT} = \frac{2.943.556}{9.594.256} \times 32.062.692 = \mathbf{9.836.966 \text{ (đ)}}$$

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

$$\begin{aligned} \text{KPCĐ} &= \frac{2.943.556}{9.594.256} \times 21.510.128 \\ &= \mathbf{6.599.397(\text{ đ})} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{BHTN} &= \frac{2.943.556}{9.594.256} \times 10.687.564 \\ &= \mathbf{3.278.989(\text{ đ})} \end{aligned}$$



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### Biểu 2.8: Bảng chấm công

Đơn vị: Công ty TNHH Lan Phố

Địa chỉ: Thôn Bắc- Xã Lưu Kiếm - Thủy Nguyên - HP

### BẢNG CHẤM CÔNG

Bộ phận: Tổ Goòng

Tháng 9 năm 2011

TT	Họ và tên	Chức vụ	Các ngày công trong tháng																	Tổng số	
			1	2	...	9	10	11	12	...	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	công
1	Trần Văn An	TTSX	+	+	...	+	+		+	...	+	+	+		+	+	+	+	+		26
2	Đông Văn Bình	CN	+	+	...	+	+		+	...	+	+	+		+	+	+	+	+		26
3	Đông Xuân Đức	CN	+	+	...	+	+		+	...	+	+	+		+	+	+	+	+		26
4	Đào Quang Vinh	CN	+	+	...	+	+		+	...	+	+	+		+	+	+	+	+		26
5	Trần Văn Dũng	CN	+	+	...	+	+		+	...	+	+	+		+	+	+	+	+		26
6	Phạm Đức Tám	CN	+	+	...	+	+		+	...	+	+	+		+	+	+	+	+		26
7	Nguyễn Văn Hậu	CN	+	+	...	+	+		+	...	+	+	+		+	+	+	+	+		26
8	Đoàn Văn Quân	CN	+	+	...	+	+		+	...	+	+	+		+	+	+	+	+		26
.....	.....	...	...	...	...	...	...		...	...	...	...	...		...	...	...	...	...		...

*Nguồn: Phòng kế toán công ty*

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### Biểu 2.9: Bảng thanh toán tiền lương

Tên đơn vị: Công ty TNHH Lan Phố

Địa chỉ: Thôn Bắc- Xã Lưu Kiếm- Thủy Nguyên-HP

### BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG

Tháng 9 năm 2011

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương tối thiểu	HS	Lương cơ bản	Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp trách nhiệm	Thu nhập	Các khoản giảm trừ				Còn lĩnh
									BHXH (6%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)	Cộng (8,5%)	
<b>I</b>	<b>Bộ phận QLDN</b>												
1	Lê Thị Phố	GĐ	830.000	3.99	3.311.700	400.000		3.711.700	198.702	49.676	33.117	281.495	3.430.205
...	.....	...	....	...				....	....	....	....	....	....
	<b>Cộng lương QLDN</b>				<b>30.552.053</b>	<b>4.700.000</b>		<b>35.252.053</b>	<b>1.833.123</b>	<b>458.281</b>	<b>305.520</b>	<b>2.596.924</b>	<b>32.655.129</b>
<b>II</b>	<b>Lương PX1</b>												
15	Trần Văn An	QĐ	830.000	2.67	2.216.100		250.000	2.466.100	132.966	33.242	22.161	188.369	2.277.731
...	.....	...	....	...				....	....	....	....	....	....
	<b>Cộng lương PX1</b>				350.250.159		2.250.000	352.500.159	21.015.009	5.253.752	3.502.502	29.771.263	322.788.896
<b>III</b>	<b>Lương PX2</b>												
201	Phan Mạnh Bình	CN	830.000	2.22	1.842.600			1.842.600	110.556	27.639	18.426	156.621	1.685.979
...	.....	...	....	...				....	....	....	....	....	....
	<b>Cộng lương PX2</b>				382.748.012		2.250.000	384.998.012	22.964.881	5.741.220	3.827.480	32.533.581	352.464.431
<b>IV</b>	<b>Lương PX3</b>												
...	.....	...	....	...				....	....	....	....	....	....
551	Phạm Thị Hoa	TT	830.000	2.4	1.992.000		200.000	2.192.000	119.520	29.880	19.920	169.320	2.022.680
552	.....	.....	.....	.....				....	....	....	....	....	....
	<b>Cộng lương PX3</b>				335.758.219		2.250.000	338.008.219	20.145.493	5.036.373	3.357.582	28.539.448	309.468.771
	<b>Cộng lương 3 PX</b>				<b>1.068.756.390</b>		<b>6.750.000</b>	<b>1.075.506.390</b>	<b>64.125.383</b>	<b>16.031.346</b>	<b>10.687.564</b>	<b>90.844.293</b>	<b>984.662.097</b>
	<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>1.099.308.443</b>	<b>4.700.000</b>	<b>6.750.000</b>	<b>1.110.758.443</b>	<b>65.958.507</b>	<b>16.489.627</b>	<b>10.993.084</b>	<b>93.441.218</b>	<b>1.017.317.225</b>

*Nguồn: Phòng kế toán công ty*

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### Biểu 2.10: Bảng phân bổ lương và các khoản trích theo lương

Tên đơn vị: Công ty TNHH Lan Phố

Địa chỉ: Thôn Bắc- Xã Lưu Kiếm- Thủy Nguyên-HP

### TRÍCH BẢNG PHÂN BỔ LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG

Tháng 9 năm 2011

STT	Ghi Nợ	Ghi có TK 334	Ghi có TK 3382(2%)	Ghi có TK 3383(16%)	Ghi có TK 3384(3%)	Ghi có TK 3389(1%)	Tổng cộng
<b>1</b>	<b>TK 622</b>						
	- Gạch mộc 2 lỗ	329.969.859	6.599.397	52.463.817	9.836.966	3.278.989	402.149.028
...	...						
	<b>Cộng TK 622</b>	1.075.506.390	21.510.128	171.001.022	32.062.692	10.687.564	1.310.767.796
<b>2</b>	<b>TK 642</b>	35.252.053	705.041	4.888.328	916.562	305.520	42.067.504
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.110.758.443</b>	<b>22.215.169</b>	<b>176.641.350</b>	<b>33.120.254</b>	<b>11.040.084</b>	<b>1.353.775.300</b>

*Nguồn: Phòng kế toán công ty*

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### **Biểu số 2.11: Trích sổ nhật ký chung**

Tên đơn vị: Công ty TNHH Lan Phố

Địa chỉ : Thôn Bắc- Xã Lưu Kiếm - Thủy Nguyên - HP

### **NHẬT KÝ CHUNG**

Tháng 9 năm 2011

Ngày tháng ghi sổ	chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
30/09	BPBTL09/11	30/09	Lương phải trả CB-CNV tháng 9  Khấu trừ lương	622 642 334 622 642 334 338	1.075.506.390 35.252.053  235.261.406 6.815.451 93.441.218	1.110.758.443      335.518.075
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
30/09	PC1109/032	30/09	Thanh toán tiền lương	334 111	1.017.317.225	1.017.317.225
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng chuyển sang trang sau</b>		<b>37.016.779.805</b>	<b>37.016.779.805</b>

*Nguồn: Phòng Kế toán Công ty*

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### **Biểu 2.12: Sổ chi tiết tài khoản**

Công ty TNHH Lan Phố

Thôn Bắc- Xã Lưu Kiếm-Thủy Nguyên-HP

## SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

**Tháng 9 năm 2011**

Tên tài khoản : Chi phí nhân công gạch mộc 2 lỗ

Số hiệu tài khoản : 622.0018

Tên sản phẩm : Gạch mộc 2 lỗ

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		<b>Số phát sinh trong kỳ</b>			
BPBTL	30/9	Phân bổ tiền lương	334	329.969.859	
BPBTL	30/9	Trích KPCĐ	3382	6.599.397	
BPBTL	30/9	Trích BHXH	3383	52.463.817	
BPBTL	30/9	Trích BHYT	3384	9.836.966	
BPBTL	30/9	Trích BHTN	3389	3.278.989	
PPB1109/ 002	30/9	Phân bổ chi phí nhân công trực tiếp	154.0018		402.149.028
		<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>402.149.028</b>	<b>402.149.028</b>

*Nguồn: Phòng Kế toán Công ty*

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### Biểu 2.13: Sổ cái tài khoản

Công ty TNHH Lan Phố

Thôn Bắc- Xã Lưu Kiếm-Thủy Nguyên-HP

## SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tháng 9 năm 2011

Tên tài khoản : Chi phí nhân công

Số hiệu TK: 622

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số phát sinh trong kỳ</b>			
30/9	BTTTL	30/9	Tiền lương công nhân	334	1.075.506.390	
30/9	BTTTL	30/9	Trích KPCĐ	3382	21.510.128	
30/9	BTTTL	30/9	Trích BHXH	3383	171.001.022	
30/9	BTTTL	30/9	Trích BHYT	3384	32.062.692	
30/9	BTTTL	30/9	Trích BHTN	3389	10.687.564	
30/9	PKC1109/ 002	30/9	Kết chuyển chi phí nhân công	154		1.310.767.796
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>1.310.767.796</b>	<b>1.310.767.796</b>

*Nguồn: Phòng Kế toán Công ty*

### 2.2.4. Kế toán chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung là những chi phí bỏ ra để phục vụ sản xuất cho toàn bộ bộ phận sản xuất. Chi phí sản xuất chung phát sinh trong tất cả các phân xưởng, tổ đội sản xuất bao gồm chi phí CCDC, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ mua ngoài...

Tại Công ty TNHH Lan Phố, để theo dõi các khoản chi phí sản xuất chung, kế toán sử dụng TK 627- chi phí sản xuất chung, chi tiết theo TK cấp 2:

-TK 6274: Chi phí khấu hao TSCĐ

-TK 6277: Chi phí dịch vụ mua ngoài: bao gồm chi phí vật liệu, chi phí công

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

cụ dụng cụ, chi phí điện sản xuất.

Công ty theo dõi chi phí nhân viên quản lý phân xưởng ở TK 622

TK 627.0018: Tài khoản chi phí sản xuất chung của gạch mộc 2 lỗ

TK 627.0027: Tài khoản chi phí sản xuất chung của gạch mộc 4 lỗ

TK 627.0036: Tài khoản chi phí sản xuất chung của gạch mộc 6 lỗ

TK 627.0045: Tài khoản chi phí sản xuất chung của gạch mộc 8 lỗ

TK 627.0066: Tài khoản chi phí sản xuất chung của gạch đặc

Dựa vào các bút toán kế toán nhập liệu, phần mềm tự động tổng hợp các chi phí sản xuất chung phát sinh tại ba phân xưởng và các tổ, đội phụ trợ. Cuối tháng, căn cứ vào tổng số gạch hoàn thành và số gạch thành phẩm của từng loại để phân bổ các khoản chi phí sản xuất chung cho từng loại gạch theo công thức như sau:

$$\text{Chi phí sản xuất chung của gạch loại } i = \frac{\text{Số gạch thành phẩm loại } i}{\text{Tổng số gạch thành phẩm trong kỳ}} \times \text{Tổng chi phí SXC của toàn bộ bộ phận sản xuất}$$

Trong tháng 9 năm 2011, tổng chi phí sản xuất chung của toàn bộ bộ phận sản xuất = 2.269.115.738 đ

Như vậy:

$$\begin{aligned} \text{Chi phí sản xuất chung của gạch mộc 2 lỗ} &= \frac{2.943.556}{9.594.256} \times 2.269.115.738 \\ &= 696.173.576 \end{aligned}$$

Cụ thể như sau:

### **Chi phí khấu hao TSCĐ**

Công ty TNHH Lan Phố tính khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng, công thức như sau:

$$\text{Mức khấu hao hàng tháng} = \frac{\text{Nguyên giá}}{\text{Số năm sử dụng} \times 12}$$

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

Tổng chi phí khấu hao của toàn bộ bộ phận sản xuất là 1.124.732.206.

Chi phí khấu hao của gạch mộc 2 lỗ được tính như sau:

$$\begin{aligned} \text{Chi phí khấu} \\ \text{hao TSCĐ của} \\ \text{gạch mộc 2 lỗ} &= \frac{2.943.556}{9.594.256} \times 1.124.732.206 \\ &= \mathbf{345.072.326 \text{ (đ)}} \end{aligned}$$

Hiện nay, Công ty không tiến hành trích trước các khoản chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định mặc dù số lượng và giá trị tài sản cố định tại Công ty khá lớn.



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### Biểu 2.14: Bảng tổng hợp trích và phân bổ KHTSCĐ

Tên đơn vị: Công ty TNHH Lan Phố

Địa chỉ : Thôn Bắc- Xã Lưu Kiếm - Thủy Nguyên – HP

### BẢNG TỔNG HỢP TRÍCH VÀ PHÂN BỐ KHTSCĐ

Tháng 9 năm 2011

STT	Ngày tháng bàn giao	Tên TSCĐ	Thời hạn sử dụng (năm)	Nguyên giá	GTHMLK đến cuối tháng 8/11	Trích khấu hao tháng 9			Giá trị còn lại
						642	627	Cộng	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
005	01/09/09	Nhà xưởng SX	20	3.159.122.000	355.401.225		13.163.008	13.163.008	2.790.557.767
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
010	01/12/09	Máy vi tính	10	131.128.200	26.225.640	764.915	327.820	1.092.735	103.809.825
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
075	01/9/11	Máy ủi bánh xích	8	420.000.000			4.375.000	4.375.000	415.625.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
		<b>CỘNG</b>		<b>62.486.365.120</b>	<b>29.236.656.236</b>	<b>109.589.365</b>	<b>1.124.732.206</b>	<b>1.234.321.571</b>	<b>32.015.387.313</b>

*Nguồn: Phòng Kế toán Công ty*

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

### **Chi phí dịch vụ mua ngoài**

Chi phí dịch vụ mua ngoài bao gồm chi phí vật liệu, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí tiền điện sử dụng chung cho toàn bộ bộ phận sản xuất và một số chi phí thường xuyên khác thuộc khoản mục này. Các chi phí này cũng được tập hợp chung cho các phân xưởng tổ đội.

Cuối kỳ, phần mềm phân bổ cho từng sản phẩm. Trong tháng 9 năm 2011, tổng chi phí dịch vụ mua ngoài là 1.144.383.532 đ, phân bổ cho gạch mộc 2 lỗ là:

$$\begin{aligned} \text{Chi phí dịch vụ} & & & 2.943.556 \\ \text{mua ngoài phân bổ} & = & \frac{\quad}{9.594.256} & \quad \times & 1.144.383.532 \\ \text{cho gạch mộc 2 lỗ} & & & & \\ & = & 351.101.431 \text{ đ} & & \end{aligned}$$

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### Biểu 2.15: Trích sổ nhật ký chung

Tên đơn vị: Công ty TNHH Lan Phố

Địa chỉ : Thôn Bắc- Xã Lưu Kiếm - Thủy Nguyên - HP

### NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 9 năm 2011

Ngày tháng ghi sổ	chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
01/09	PC1109/003	01/09	Mua băng tải cao su HD00121	627 133 111	898.000 89.800	987.800
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
06/09	PC1109/008	06/09	Thanh toán tiền mua máy hơi 5.5HP	627 133 111	17.500.000 1.750.000	19.250.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
23/09	GBN1109/010	23/09	Thanh toán tiền mua sàn cấp liệu	627 133 112	49.253.600 4.925.360	54.178.960
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
30/09	BPBKH	30/09	Khấu hao tài sản cố định bộ phận sản xuất	627 214	1.124.732.206	1.124.732.206
30/09	PKC1109/003	30/09	Kết chuyển chi phí sản xuất chung	154 627	2.269.115.738	2.269.115.738
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>Cộng chuyển sang trang sau</b>					<b>37.016.779.805</b>	<b>37.016.779.805</b>

*Nguồn: Phòng Kế toán Công ty*

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### Biểu 2.16:Sổ chi tiết tài khoản

Công ty TNHH Lan Phố

Thôn Bắc- Xã Lưu Kiếm-Thủy Nguyên-HP

## SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tháng 9 năm 2011

Tên tài khoản :Chi phí sản xuất chung gạch mộc 2 lỗ

Số hiệu tài khoản : 627.0018

Tên sản phẩm :Gạch mộc 2 lỗ

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		<b>Số phát sinh trong kỳ</b>			
PC1109/002	01/09	Mua dầu HD 002795	111	1.589.000	
PC1109/005	01/09	Mua khí ga + oxy HD 000759	111	2.299.986	
PX1109/003	02/09	Xuất dầu sản xuất	152	119.460.552	
.....	.....	.....	....	.....	
KT1109/002	30/09	Phân bổ điện sản xuất	331	79.244.284	
PPB1109/006	30/09	Phân bổ CP khấu hao TSCĐ	214	345.072.326	
PPB1109/003	30/09	Phân bổ chi phí SXC	154. 0018		696.173.576
		<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>696.173.576</b>	<b>696.173.576</b>

Nguồn: Phòng Kế toán Công ty

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### Biểu 2.17: Sổ cái tài khoản

Tên đơn vị: Công ty TNHH Lan Phố

Địa chỉ : Thôn Bắc- Xã Lưu Kiếm - Thủy Nguyên - HP

### SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tháng 9 năm 2011

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất chung

Số hiệu tài khoản :627

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số phát sinh trong kỳ</b>			
01/09	PC1109/003	01/09	Mua băng tải cao su HD00121	111	898.000	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	
06/09	PC1109/008	06/09	Thanh toán tiền mua máy hơi 5.5HP	111	17.500.000	
....	.....	.....	.....	.....	.....	
23/09	GBN1109/010	23/09	Thanh toán tiền mua sàn cấp liệu	112	49.253.600	
....	.....	.....	.....	.....	.....	
30/9	BPBKH	30/09	Khấu hao tài sản cố định bộ phận sản xuất	214	1.124.732.206	
30/09	PKC1109/003	30/09	Kết chuyển chi phí sản xuất chung	154		2.269.115.738
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>2.269.115.738</b>	<b>2.269.115.738</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

*Nguồn: Phòng Kế toán Công ty*

## 2.2.5. Tổng hợp chi phí sản xuất

Công ty sử dụng TK 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang để tổng hợp tất cả chi phí sản xuất. TK 154 được chi tiết cho từng sản phẩm, cụ thể:

TK 154.0018 là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của gạch mộc 2 lỗ

TK 154.0027 là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của gạch mộc 4 lỗ

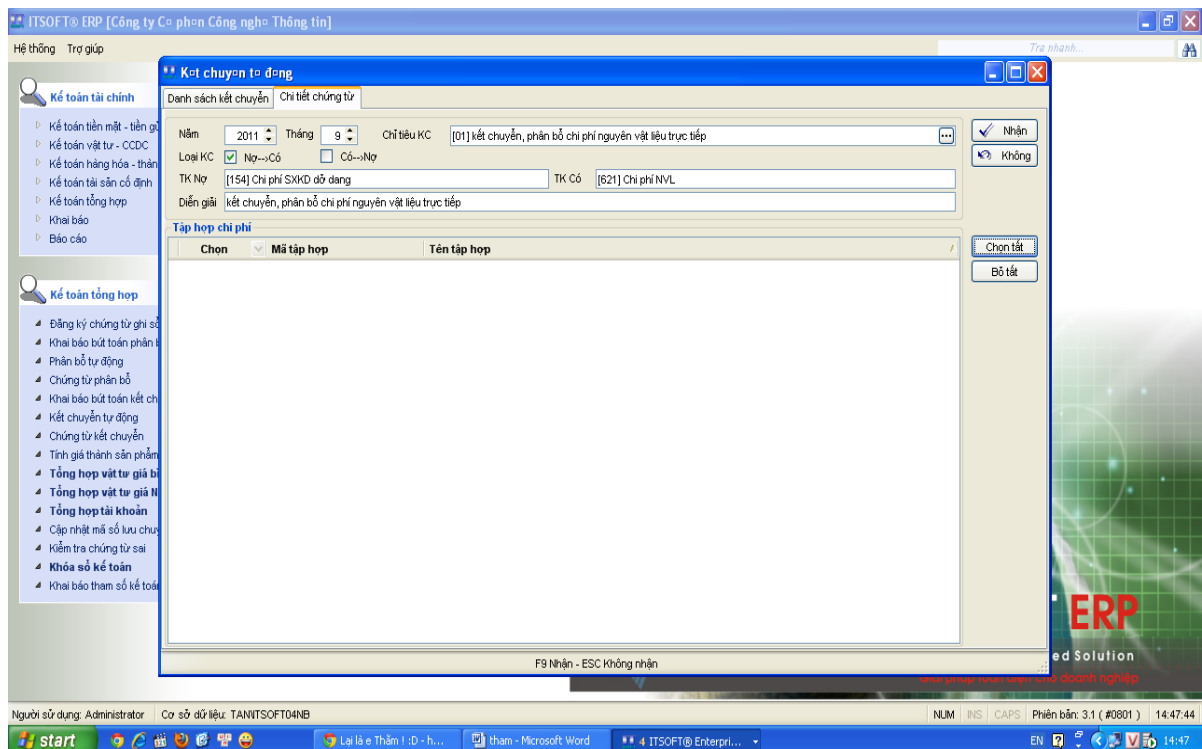
TK 154.0036 là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của gạch mộc 6 lỗ

TK 154.0045 là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của gạch mộc 8 lỗ

TK 154.0066 là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của gạch đặc.

Cuối tháng, kế toán thực hiện thao tác chạy các bút toán kết chuyển các TK chi phí sản xuất. Từ giao diện chính, vào kế toán tổng hợp/ cập nhật số liệu/ bút toán kết chuyển tự động. Sau đó, lần lượt thực hiện các bút toán kết chuyển tự động. Ấn phím F4 ở mỗi bút toán để phần mềm nhận lệnh, tự động cập nhật vào sổ Nhật ký chung, sổ chi tiết TK 154.0018, sổ cái TK 154.

**Biểu 2.18: Bút toán kết chuyển chi phí NVL**



Nguồn: Phòng Kế toán Công ty

**Biểu 2.19: Bút toán kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp**

The image shows a screenshot of a Microsoft Word document with a form titled "Kế toán" (Accounting) and "Chi tiết chứng từ" (Detailed Voucher). The form is for recording a journal entry for "Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp" (Direct labor cost transfer). The fields are as follows:

- Năm: 2011
- Tháng: 9
- Chỉ tiêu KC: [02] Kết chuyển, phân bổ chi phí nhân công trực tiếp
- Loại KC:  Ng->Có  Có->Ng
- TK Nợ: [154] Chi phí SXKD dở dang
- TK Có: [622] Chi phí nhân công
- Diễn giải: Kết chuyển, phân bổ chi phí nhân công trực tiếp

Below the form is a table titled "Tập hợp chi phí" (Cost accumulation) with the following columns: "Chọn" (Select), "Mã tập hợp" (Code), and "Tên tập hợp" (Name). The table is currently empty.

The form also includes buttons for "Nhận" (Accept), "Không" (No), "Chọn tất" (Select all), and "Bỏ tất" (Deselect all). The status bar at the bottom indicates "F9 Nhận - ESC Không nhận".

*Nguồn: Phòng Kế toán Công ty*

**Biểu 2.20: Bút toán kết chuyển chi phí SXC**

tham - Microsoft Word

File Edit View Insert Format Tools Table Window Help

Kết chuyển nợ

Danh sách kết chuyển Chi tiết chứng từ

Năm 2011 Tháng 9 Chỉ tiêu KC '03) Kết chuyển, phân bổ chi phí sản xuất chung

Loại KC  Nợ->Có  Có->Nợ

TK Nợ [154] Chi phí SXKD dở dang TK Có [627] Chi phí sản xuất chung

Diễn giải Kết chuyển, phân bổ chi phí sản xuất chung

Tập hợp chi phí

Chọn	Mã tập hợp	Tên tập hợp
------	------------	-------------

F9 Nhận - ESC Không nhận

Page 6 Sec 1 6/6 At 3cm Ln 2 Col 1 REC TRK EXT OVR English (U.S)

start

Lại là e Thâm ! :D - h...

tham - Microsoft Word

ITSOFT@ Enterpri...

EN 14:51

*Nguồn: Phòng Kế toán Công ty*



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### Biểu 2.21: Trích sổ nhật ký chung

Tên đơn vị: Công ty TNHH Lan Phố

Địa chỉ : Thôn Bắc- Xã Lưu Kiếm - Thủy Nguyên - HP

### NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 9 năm 2011

Ngày tháng ghi số	chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
30/09	PKC1109/001	30/09	Kết chuyển CPNVL trực tiếp	154 621	3.478.379.490	3.478.379.490
30/09	PKC1109/002	30/09	Kết chuyển CPNC trực tiếp	154 622	1.310.767.796	1.310.767.796
30/09	PKC1109/003	30/09	Kết chuyển CP sản xuất chung	154 627	2.269.115.738	2.269.115.738
30/09	PNK1109/001	30/09	Nhập kho thành phẩm	154 155	7.067.401.654	7.067.401.654
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng chuyển sang trang sau</b>		<b>37.016.779.805</b>	<b>37.016.779.805</b>

Nguồn: Phòng Kế toán Công ty

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### Biểu 2.22:Sổ chi tiết tài khoản

Công ty TNHH Lan Phố

Thôn Bắc- Xã Lưu Kiếm-Thủy Nguyên-HP

### SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tháng 9 năm 2011

Tên tài khoản :Chi phí sản xuất KDDD gạch mộc 2 lỗ

Số hiệu tài khoản : 154.0018

Tên sản phẩm :Gạch mộc 2 lỗ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		<b>12.025.468</b>	
			Số phát sinh trong kỳ			
30/09	PKC1109/001	30/09	KC CP NVLTT 621.0018 sang 154.0018	621.0018	629.544.561	
30/09	PPB1109/2	30/09	Phân bổ CP NCTT	622.0018	402.149.028	
30/09	PPB1109/7	30/09	Phân bổ CP SXC	627.0018	696.173.576	
30/09	NK1109/001	30/09	Nhập kho gạch mộc 2 lỗ tháng 9	155		1.730.214.374
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>1.727.867.165</b>	<b>1.730.214.374</b>
			Số dư cuối kỳ		<b>9.678.259</b>	

Nguồn: Phòng Kế toán Công ty

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### Biểu 2.23: Sổ cái tài khoản

Tên đơn vị: Công ty TNHH Lan Phố

Địa chỉ : Thôn Bắc- Xã Lưu Kiếm - Thủy Nguyên - HP

## SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tháng 9 năm 2011

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu tài khoản: 154

NT GS	Ch ứng t ừ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	Số hi ệu	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>		<b>40.684.045</b>	
			<b>Số phát sinh trong kỳ</b>			
30/9	PKC1109/001	30/9	Kết chuyển chi phí NVL trực tiếp	621	3.478.379.490	
30/9	PKC1109/002	30/9	Kết chuyển chi phí nhân công	622	1.310.767.796	
39/9	PKC1109/003	30/9	Kết chuyển chi phí sản xuất chung	627	2.269.115.738	
30/9	PNK1109/001	30/9	Nhập kho thành phẩm	155		7.067.401.654
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>7.058.263.024</b>	<b>7.067.401.654</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b>31.545.415</b>	

Nguồn: Phòng Kế toán Công ty

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### 2.2.6. Kiểm kê, đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ tại Công ty TNHH Lan Phổ

Hiện nay, Công ty TNHH Lan Phổ đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Phương pháp này là phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty vì chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm. Theo phương pháp này thì giá trị SPDD bao gồm chi phí NVL chính, NVL phụ và nhiên liệu. Còn chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung được kế toán phân bổ hết cho sản phẩm hoàn thành trong kỳ.

Hàng tháng, một ban kiểm kê tại Công ty được thành lập gồm kế toán, quản đốc phân xưởng và tổ trưởng các tổ sản xuất. Ban này có trách nhiệm cân đo, xác định khối lượng cụ thể và lập Biên bản kiểm kê. Kế toán căn cứ vào số lượng thực tế qua kiểm kê và định mức từng loại nguyên vật liệu nằm trong SPDD và xác định số lượng NVL cụ thể từng loại tồn trong SPDD của tháng.

Vào ngày 30/09, ban kiểm kê tiến hành kiểm kê SPDD tại 3 phân xưởng, số liệu kiểm kê thu được như sau:

#### **Biểu 2.24: Bảng tổng hợp giá trị sản phẩm dở dang**

Công ty TNHH Lan Phổ

Thôn Bắc – xã Lưu Kiếm – Thủy Nguyên – HP

#### **BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ SẢN PHẨM DỒ DANG**

Tháng 9 năm 2011

TT	Nội dung	PX1	PX2	PX3	ĐVT	Đơn giá	Thành tiền
1	Đất sét	54	-	-	M <sup>3</sup>	60.574	3.270.996
2	Than cám	-	16,3	-	Tấn	511.733	8.341.248
...	.....						
...	.....						
8	Mỡ chịu nhiệt	9	7	6	Kg	62.499	1.374.978
9	Dầu Diesel	50	57	61	Lít	20.800	3.494.400
...	.....						
16	Xăng	38	16	29	Lít	21.300	1.767.900
<b>Tổng Cộng</b>							<b>31.545.415</b>

*Nguồn: Phòng Kế toán Công ty*

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị SPDD} \\ \text{phân bổ cho} \\ \text{gạch loại } i \end{array} = \frac{\text{Số thành phẩm của gạch loại } i}{\text{Tổng số thành phẩm}} \times \begin{array}{l} \text{Tổng giá trị SPDD} \\ \text{của toàn bộ} \\ \text{bộ phận sản xuất} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị SPDD} \\ \text{phân bổ cho} \\ \text{gạch mộc 2 lỗ} \end{array} = \frac{2.943.556}{9.594.256} \times 31.545.415$$
$$= \mathbf{9.678.259 \text{ (đ)}}$$

### 2.2.7. Kế toán tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Lan Phố.

Giá thành sản phẩm của Công ty TNHH Lan Phố được xác định theo phương pháp giản đơn, công thức như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng giá thành} \\ \text{sản phẩm hoàn} \\ \text{thành trong kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{SXDD} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí sản} \\ \text{xuất phát} \\ \text{sinh trong} \\ \text{kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản} \\ \text{giảm trừ chi} \\ \text{phí} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{SPDD} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành} \\ \text{đơn vị của} \\ \text{gạch mộc 2 lỗ} \end{array} = \frac{\text{Tổng giá thành gạch mộc 2 lỗ hoàn thành trong kỳ}}{\text{Số lượng gạch mộc 2 lỗ hoàn thành trong kỳ}}$$

Căn cứ vào số liệu phòng kế toán Công ty cung cấp, giá trị SPDD đầu kỳ của gạch mộc 2 lỗ là 12.025.468 (đ)

Như vậy:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng giá thành sản phẩm gạch mộc 2 lỗ hoàn thành trong kỳ} \\ = 12.025.468 + 1.727.867.165 - 9.678.259 \\ = \mathbf{1.730.214.374 \text{ (đ)}} \end{array}$$

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

1.730.214.374

Giá thành đơn vị =  $\frac{1.730.214.374}{2.943.556} = 588 \text{ (đ/viên)}$

### Biểu 2.25: Thẻ tính giá thành sản phẩm

Tên đơn vị: Công ty TNHH Lan Phố

Địa chỉ : Thôn Bắc- Xã Lưu Kiếm - Thủy Nguyên - HP

### THẺ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

Gạch mộc 2 lỗ

Tháng 9 năm 2011

Số lượng sản phẩm hoàn thành: 2.943.556 viên

Khoản mục chi phí	Chi phí SXDD đầu kỳ	Chi phí sản xuất trong kỳ	Chi phí SXDD cuối kỳ	Tổng giá thành	Giá thành đơn vị
Chi phí NVL trực tiếp	12.025.468	629.544.561	9.678.259	631.891.770	214
Chi phí nhân công	0	402.149.028	0	402.149.028	137
Chi phí sản xuất chung	0	696.173.576	0	696.173.576	236
<b>Cộng</b>	<b>12.025.468</b>	<b>1.727.867.165</b>	<b>9.678.259</b>	<b>1.730.214.374</b>	<b>588</b>

*Nguồn: Phòng Kế toán Công ty*

**CHƯƠNG 3**

**MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC  
KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ  
THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH LAN PHỐ**

**3.1. Đánh giá về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở Công ty TNHH Lan Phố.**

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp diễn ra hết sức gay gắt và tinh vi. Để đạt được mục đích cuối cùng là tối đa hoá lợi nhuận, các doanh nghiệp có thể sử dụng nhiều giải pháp khác nhau như đầu tư thích hợp cho mua sắm, đổi mới TSCĐ dùng cho sản xuất, cải tiến mẫu mã sản phẩm cho phù hợp với thị hiếu và nhu cầu người tiêu dùng, nâng cao chất lượng sản phẩm. Bên cạnh đó các doanh nghiệp cần ra sức tìm kiếm thị trường tranh thủ thời cơ và tạo cho mình một thế mạnh cạnh tranh ngay từ đầu để thích ứng lâu dài trên thị trường.

Vấn đề đặt ra cho những người làm quản lý là phải làm sao đáp ứng được tối đa các yêu cầu đó, công việc này đòi hỏi phải có một bộ phận chuyên trách đảm nhận vai trò hạch toán giúp ban lãnh đạo Công ty có những quyết định sáng suốt và kịp thời. Đó chính là bộ phận kế toán Công ty. Công tác kế toán nói chung và công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng là công tác không thể thiếu trong công tác tổ chức doanh nghiệp sản xuất. Đặc biệt là công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm vì nó là trung tâm, là vấn đề mấu chốt của doanh nghiệp sản xuất.

Dựa vào công tác này, bộ phận quản lý có thể đề ra kế hoạch hạ giá thành sản phẩm cho kỳ sản xuất tiếp theo. Tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm sẽ là cơ hội để doanh nghiệp đạt mục tiêu tăng doanh số bán hàng, tăng lợi nhuận.

Mặt khác, nó là cơ sở để các nhà quản trị doanh nghiệp định giá bán sản phẩm của mình.

Tuy nhiên, để đạt được điều đó là rất khó khăn đòi hỏi bộ phận kế toán phải

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

hết sức chính xác, hạch toán kịp thời nhằm cung cấp những thông tin một cách nhanh nhất.

Như vậy, công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là cực kỳ cần thiết với tất cả các doanh nghiệp sản xuất. Nó không những là cơ sở để xác định kết quả hoạt động sản xuất lâu dài, chiếm lĩnh thị trường một cách nhanh nhất.

Là đơn vị mới thành lập với quy mô sản xuất vừa và nhỏ nhưng Công ty TNHH Lan Phố đã khẳng định được vai trò của sản phẩm trên thị trường.

Là một Công ty chuyên sản xuất về các sản phẩm gạch phục vụ ngành công nghiệp xây dựng, Công ty đã và đang góp phần xây dựng cơ sở hạ tầng cho đất nước và hoà nhập với xu thế của thời đại. Sở dĩ có thành tích như vậy là do Công ty biết đánh giá, nắm bắt và khai thác sự thu hút của thị trường do Công ty đã đầu tư vào sản xuất với máy móc thiết bị hiện đại cùng nguồn nhân công dồi dào, có trình độ và kinh nghiệm sản xuất. Trong tương lai với sự phát triển và sự nỗ lực của các phòng ban, bộ phận cán bộ công nhân viên của Công ty sẽ chuyên thành doanh nghiệp có quy mô sản xuất lớn thì cần phải có thêm đội ngũ cán bộ xuất sắc hơn nữa. Đặc biệt cần chú trọng công tác bồi dưỡng và đào tạo trình độ nghiệp vụ phòng kế toán.

Qua thời gian thực tập tìm hiểu về công tác tổ chức kế toán tại Công ty và bằng sự hiểu biết của mình, em nhận thấy:

### **3.1.1. Ưu điểm.**

Việc ngày một mở rộng quy mô sản xuất và cải thiện điều kiện lao động đang dần đem lại lòng tin, tạo khí thế làm việc cho lao động trong Công ty, gắn trách nhiệm của mỗi người lao động với Công ty và công việc của mình. Bộ máy tổ chức phù hợp với trình độ tay nghề của cán bộ công nhân viên, đã phát huy được sức mạnh cá nhân và tập thể nâng cao hiệu quả công việc.

Bộ máy kế toán được điều chỉnh còn 1 kế toán trưởng và 3 kế toán viên có trình độ chuyên môn và tinh thần trách nhiệm cao đáp ứng tốt yêu cầu hiện tại của Công ty.



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Hiện tại Công ty lựa chọn hình thức hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ là hoàn toàn phù hợp với đặc điểm, quy mô sản xuất. Ngoài ra cứ 1 tháng Công ty lại tiến hành kiểm kê tổng hợp 1 lần. Điều này đáp ứng yêu cầu cung cấp và quản lý thông tin một cách xác thực.

Công ty TNHH Lan Phố hiện đang áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, hình thức này thường được sử dụng cho các Công ty có quy mô hoạt động vừa và nhỏ. Đây là hình thức kế toán giúp Công ty có thể theo dõi một cách cụ thể tránh nhầm lẫn và không bị chông chéo. Vì vậy bộ máy kế toán được tổ chức gọn gàng, làm việc theo hình thức ghép việc, kiêm nhiệm. Các phần hành kế toán được thực hiện nghiêm túc, nhân viên kế toán thực hiện đúng chức năng chuyên trách của mình .

Tuy mỗi nhân viên kế toán phải đảm nhiệm nhiều công việc nhưng do có năng lực cộng với lòng nhiệt tình nên công tác kế toán vẫn đảm bảo thông tin chính xác kịp thời, giúp ban lãnh đạo có những quyết định đúng đắn và sáng suốt, đưa ra các phương án sản xuất tối ưu.

Ngay từ những ngày đầu mới thành lập Công ty TNHH Lan Phố đã đưa vào áp dụng phần mềm kế toán ITSOFT - ERP. Điều này phản ánh hoạt động tích cực của Công ty . Phần mềm kế toán này được xem là một phần mềm kế toán tương thích với quy mô hoạt động và quy trình hạch toán theo hình thức nhật ký chung mà Công ty lựa chọn. Việc vận dụng phần mềm này giúp cho bộ phận kế toán giảm tải được khối lượng công việc đồng thời phản ánh sự linh hoạt trong việc ứng dụng công nghệ hiện đại. Hơn thế nữa do Công ty đã xác định đúng mức tầm quan trọng của việc tiết kiệm chi phí và mục tiêu hạ giá thành sản phẩm nhằm tối đa hoá lợi nhuận nên công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm được thực hiện hiệu quả, theo từng kỳ hạch toán và theo từng đối tượng cụ thể.

Công ty thực hiện đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là phù hợp với tình hình sản xuất hiện nay của Công ty .

### 3.1.2. Một số hạn chế.

Tuy công tác kế toán nói chung và công tác tập hợp chi phí sản xuất nói riêng tại Công ty TNHH Lan Phố có nhiều ưu điểm trên nhưng bên cạnh mặt tích cực vẫn còn một số hạn chế sau.

#### 3.1.2.1. Về việc thống nhất mẫu sổ kế toán theo chế độ kế toán Công ty đang áp dụng

Hiện nay, mặc dù Công ty áp dụng hệ thống sổ sách kế toán ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC, tuy nhiên trong quá trình hạch toán, kết xuất ra một số mẫu sổ, trên mẫu sổ có ghi thông tin liên quan đến mẫu sổ theo quyết định 48/2006/QĐ - BTC. Như vậy là không hợp lệ, không đúng theo quy định.

#### 3.1.2.2. Về công tác kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Khi Công ty có nhu cầu mua nguyên vật liệu, phòng kinh doanh sẽ làm đề xuất mua vật tư, nhưng tại xí nghiệp lại không làm tạm ứng cho nhân viên khi mua. Điều này dẫn đến tình trạng thủ quỹ cho nhân viên mượn tiền để mua vật tư sau đó mới làm chứng từ thanh toán, như thế là không phù hợp với chế độ kế toán.

#### 3.1.2.3. Về công tác kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp

- **Thứ nhất:** Công ty hạch toán tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên quản lý phân xưởng vào tài khoản chi phí nhân công trực tiếp. Như vậy tổng giá thành sản phẩm vẫn không đổi nhưng làm thay đổi tỷ trọng của chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung trong tổng giá thành sản phẩm.

- **Thứ hai:** Công ty không thực hiện trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất. Việc xây dựng được mức trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất rất quan trọng, nó giúp cho doanh nghiệp hạch toán chi phí sản xuất phát sinh một cách đồng đều giữa các kỳ kế toán tránh tình trạng khi công nhân nghỉ nhiều thì chi phí chi phí nhân công mà doanh nghiệp phải trả lại quá ít. Việc hạch toán như vậy làm cho giá thành sản phẩm có sự biến động lớn và không cân đối.

### **3.1.2.4. Về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung**

Tại Công ty TNHH Lan Phố, chi phí sản xuất chung phát sinh trong tất cả các phân xưởng, tổ đội sản xuất bao gồm chi phí nhân viên phân xưởng, chi phí vật liệu, chi phí CCDC, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ mua ngoài. Chi phí nhân viên phân xưởng được tập hợp chung trong chi phí nhân công trực tiếp, Công ty chỉ mở chi tiết cho hai tài khoản cấp 2 là TK 6274- chi phí khấu hao TSCĐ và TK 6277- chi phí dịch vụ mua ngoài. Ngoài chi phí khấu hao TSCĐ được tập hợp ở TK 6274, tất cả các chi phí còn lại được tập hợp chung vào tài khoản 6277. Cách tập hợp như vậy gây khó khăn trong công tác quản lý các chi phí này.

### **3.1.2.5. Về việc trích trước các khoản chi phí sửa chữa lớn TSCĐ**

Công ty mới được thành lập và hoạt động được 6 năm, do vậy tài sản cố định của Công ty được đưa vào sử dụng trong khoảng thời gian chưa phải là dài nhưng không có nghĩa là các tài sản này không bị hỏng hóc. Tuy nhiên kế toán không trích trước các khoản sửa chữa lớn cho chúng mà khi xảy ra kế toán sẽ hạch toán vào chi phí sản xuất trong kỳ. Vì vậy những kỳ chúng phát sinh làm chi phí sản xuất tăng đột biến, gây biến động lớn cho giá thành. Do đó việc yêu cầu kế toán tiến hành lập kế hoạch sửa chữa lớn tài sản cố định là rất cần thiết.

## **3.2. Biện pháp hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Lan Phố.**

### **3.2.1. Thống nhất mẫu sổ kế toán theo chế độ kế toán Công ty áp dụng.**

Sổ kế toán dùng để ghi chép, hệ thống và lưu trữ toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Mỗi đơn vị chỉ có một hệ thống sổ kế toán. Mặc dù, Công ty TNHH Lan Phố áp dụng hệ thống sổ kế toán ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ – BTC, tuy nhiên trong quá trình hạch toán, kết xuất ra sổ chi tiết, sổ cái, trên các mẫu sổ này có ghi các thông tin có liên quan đến mẫu sổ ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ – BTC. Do đó, Công ty cần phải điều chỉnh các mẫu sổ này sao cho phù hợp, đảm bảo đúng yêu cầu thống nhất hệ thống sổ kế toán ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ – BTC.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

### 3.2.2. Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Hình thức tạm ứng thường được áp dụng đối với các loại vật liệu có giá trị và khối lượng nhỏ. Khi phòng kinh doanh có đề xuất mua vật tư sẽ cử cán bộ đi mua. Cán bộ này làm giấy đề nghị tạm ứng xin tạm ứng một khoản tiền phục vụ cho việc thu mua vật tư.

Ví dụ: Ngày 20/9/2011, nhân viên Nguyễn Mạnh Hùng được cử đi mua dầu thủy lực CS46 NIKKO, tổng số tiền thanh toán là 9.020.000 đ (bao gồm VAT 10%). Công ty lập đề nghị tạm ứng, phiếu chi, quyết toán tạm ứng như sau:

Công ty TNHH Lan Phô  
Thôn Bắc - Xã Lưu Kiếm – TN - HP

Mẫu số: 03-

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

### GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG

Ngày 20 tháng 9 năm 2011

Số: 1109/001

Kính gửi: ...Ban giám đốc Công ty TNHH Lan Phô .....

Tên tôi là: ....Nguyễn Mạnh Hùng .....

.....  
.....  
.....  
.....

Địa chỉ: ...Phòng kinh doanh – Công ty

Đề nghị cho tạm ứng số tiền...10.000.000 (Mười triệu đồng chẵn).....

Lý do tạm ứng: ...Mua dầu thủy lực CS46NIKKO.....

Thời hạn thanh toán: 2 ngày (kể từ ngày tạm ứng).....

**Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**Người đề nghị tạm ứng**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Khi chi tiền tạm ứng kế toán tiến hành định khoản:

Nợ TK 141: 10.000.000

Có TK 111: 10.000.000

Khi thực hiện xong công việc được giao, người nhận tạm ứng lập bảng thanh toán tạm ứng kèm theo những chứng từ gốc đã được ký duyệt để quyết toán khoản tạm ứng; theo đó, kế toán ghi:

Nợ TK 152: 8.200.000

Nợ TK 133: 820.000

Có TK 141: 9.020.000

Khoản tạm ứng chi không hết được xử lý như sau:

Nợ TK 111: 980.000

Có TK 141: 980.000

Trường hợp số thực chi lớn hơn số đã tạm ứng, kế toán làm phiếu chi để thanh toán thêm cho người tạm ứng.

Nợ TK 152, 153, 156, 621, 627...

Có TK 111

### **3.2.3. Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp**

- **Thứ nhất: Về nội dung chi phí nhân công trực tiếp.**

Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm cả các khoản phải trả cho người lao động trực tiếp sản xuất sản phẩm, thực hiện dịch vụ thuộc danh sách quản lý của doanh nghiệp và cho lao động thuê ngoài theo từng loại công việc, như: Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, các khoản trích theo lương (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp). Không hạch toán vào tài khoản này những khoản phải trả về tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp. . . cho nhân viên phân xưởng, nhân viên quản lý, nhân viên của bộ máy quản lý doanh nghiệp, nhân viên bán hàng. Hiện nay, tại Công ty , kế toán ghi nhận chi phí nhân viên phân xưởng vào chi phí nhân công trực tiếp. Để đảm bảo theo đúng quy định và không làm ảnh hưởng đến tỷ trọng của các loại chi phí trong giá thành sản phẩm, Công ty cần mở tài khoản chi tiết 6271 để hạch toán chi phí nhân viên phân xưởng.

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

Cụ thể, trong tháng 9 năm 2011, kế toán tại đơn vị tính tổng chi phí nhân công trực tiếp bao gồm cả chi phí nhân viên quản lý phân xưởng là 1.075.506.390(đ) lương cơ bản là 1.068.756.390 (đ). Trong đó, tổng chi phí nhân viên quản lý phân xưởng là 72.158.950 (đ) lương cơ bản là 65.408.950 (đ). Như vậy chi phí nhân công trực tiếp sau khi tách chi phí nhân viên phân xưởng là 1.003.347.440 (đ)

Công ty nên hạch toán tiền lương và các khoản trích theo lương như sau:

Nợ TK 622: 1.003.347.440

Có TK 334: 1.003.347.440

Nợ TK 622: 220.736.437

Nợ TK 334 85.284.532

Có TK 3382: 20.066.949

Có TK 3383: 220.736.436

Có TK 3384: 45.150.635

Có TK 3389: 20.066.9

Nợ TK 6271: 72.158.950

Có TK 334: 72.158.950

Nợ TK 6271: 14.524.969

Nợ TK 334: 5.559.761

Có TK 3382: 1.443.179

Có TK 3383: 14.389.969

Có TK 3384: 2.943.403

Có TK 3389: 1.308.179

### **• Thứ 2: Về việc trích trước tiền lương công nhân nghỉ phép**

Công ty không tiến hành trích trước tiền lương nghỉ phép cho công nhân trực tiếp sản xuất mà khi chi phí phát sinh trong tháng nào thì hạch toán vào tháng đó. Điều đó gây ra biến động về chi phí trong doanh nghiệp. Vì tiền lương nghỉ phép là khoản tiền mà phải trả cho công nhân trong những ngày họ được nghỉ phép theo chế độ nhưng vẫn được hưởng lương. Mặt khác, số lượng Công ty nghỉ phép nhiều

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

và không đều nhau, có thể họ nghỉ hết số ngày được nghỉ phép trong một tháng, do đó nếu hạch toán như Công ty thì lương nghỉ phép được trả vào chi phí nhân công trực tiếp tháng đó sẽ tăng đột biến. Vì vậy, Công ty cần trích trước tiền lương nghỉ phép cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm. Để tiến hành trích trước tiền lương nghỉ phép, kế toán lập kế hoạch trích trước. Trước hết, kế toán tiền lương phải xây dựng tỷ lệ trích trước hàng tháng, tỷ lệ này xây dựng căn cứ vào số lượng công nhân sản xuất, mức lương cơ bản.

$$\begin{aligned} \text{Tiền lương nghỉ phép} & \quad \text{Lương cơ bản phải trả cho CN trong tháng} & \quad \text{Số ngày} \\ \text{phải trả theo} & = \frac{\text{-----}}{26} & \quad \times \text{nghỉ phép} \\ \text{kế hoạch năm} & & \quad \text{bình quân Công ty} \\ \\ \text{Tỷ lệ} & \quad \text{Tiền lương nghỉ phép phải trả theo kế hoạch năm} \\ \text{trích trước} & = \frac{\text{-----}}{\text{Tổng tiền lương chính phải trả cho CN sản xuất}} & \quad \times 100\% \\ & \quad \text{trong năm theo kế hoạch} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Mức trích} & \quad \text{Tiền lương chính phải trả cho CN} & \quad \text{Tỷ lệ} \\ \text{tiền lương} & = \frac{\text{-----}}{\text{sản xuất trong tháng}} & \quad \times \text{trích trước} \end{aligned}$$

Hàng tháng, kế toán sử dụng tài khoản 335 để phản ánh khoản trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm. Kế toán căn cứ vào kết quả tính toán trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất để hạch toán

Nợ TK 622

Có TK 335

Số tiền lương nghỉ phép thực tế phải trả cho công nhân sản xuất:

Nợ TK 335

Có TK 334

Khi thanh toán tiền lương nghỉ phép cho công nhân sản xuất:

Nợ TK 334

Có TK 111,112

Cuối năm, kế toán sẽ tiến hành so sánh số chi lương nghỉ phép thực tế của công nhân trực tiếp sản xuất với mức lương nghỉ phép trích trước để tìm ra chênh lệch (nếu có)

+ Nếu số trích trước > số thực chi

Nợ TK 335	Phần chênh lệch
Có TK 711	

+ Nếu số trích trước < số thực chi, kế toán thực hiện hạch toán phần lương còn thiếu như bình thường

Nợ TK 622

    Có TK 334

Việc hạch toán này đảm bảo cho việc tính lương được thực hiện theo đúng chế độ và tránh những biến động do chi phí nhân công gây ra.

### **3.2.4. Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung**

Việc Công ty không mở các tiểu khoản để hạch toán chi phí sản xuất chung làm kế toán khó theo dõi các chi phí phát sinh cụ thể đối với các khoản mục chi phí này. Vì vậy, để thuận tiện hơn cho việc theo dõi các chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất, Công ty nên sử dụng tài khoản cấp 2 để hạch toán chi phí sản xuất chung theo các yếu tố sau:

- 6271: Chi phí nhân viên phân xưởng
- 6272: Chi phí vật liệu
- 6273: Chi phí dụng cụ sản xuất
- 6274: Chi phí khấu hao tài sản cố định
- 6277: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- 6278: Chi phí khác bằng tiền

### **3.2.5. Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định**

Hiện nay, Kế toán Công ty vẫn chưa thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, như vậy là chưa hợp lý. Kế toán phải trích trước các khoản chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định để khi chi phí này phát sinh cũng không gây biến động lớn cho giá thành sản phẩm.



## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

Muốn làm được điều đó trước hết phòng kế hoạch phải lập kế hoạch sửa chữa lớn tài sản cố định ngay từ đầu năm, để bộ phận kế toán làm căn cứ thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định. Khi thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định sẽ giúp cho quá trình kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được đúng, đủ, không gây sự biến động lớn cho giá thành nếu chi phí này có phát sinh. Giúp cho các nhà quản trị có được những kế hoạch trong việc sử dụng tài sản cố định sao cho phù hợp và đưa ra được quyết định đúng đắn cho quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty .

Khi trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ kế toán ghi:

Nợ TK 627, 641, 642

Có TK 335

Trong kỳ phát sinh chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, kế toán ghi:

Nợ TK 241

Nợ TK 133

Có TK 111, 112, 331

Cuối kỳ quyết toán chi phí sửa chữa lớn TSCĐ:

Nợ TK 335

Có TK 241

Nếu số trích trước lớn hơn số thực tế phát sinh, kế toán ghi giảm phần chênh lệch bằng cách phản ánh vào thu nhập hoạt động khác;

Nợ TK 335

Có TK 711

Nếu số trích trước nhỏ hơn số thực tế phát sinh, kế toán tiến hành trích lập bổ sung thêm:

Nợ Tk 627, 641, 642

Có Tk 335

**KẾT LUẬN**

Nghiên cứu công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một công việc cần thiết vào bậc nhất trong công tác hạch toán.

Một trong những điều kiện quan trọng để thị trường chấp nhận sản phẩm của doanh nghiệp, cũng như để doanh nghiệp đứng vững trên thị trường, đó là chất lượng sản phẩm cao, giá thành hạ. Do đó công tác kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm thực hiện đúng, hợp lý có ý nghĩa rất lớn trong công tác quản lý chi phí, giá thành, tổ chức kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của chi phí phát sinh ở doanh nghiệp nói chung và ở từng bộ phận nói riêng, góp phần quản lý tài sản, vật tư, lao động, tiền vốn tiết kiệm hiệu quả.

Công ty TNHH Lan Phố là doanh nghiệp sản xuất, điều đó lại càng quan trọng hơn. Trong thời gian thực tập em nhận thấy rằng Công ty đã thực hiện được phần nào đòi hỏi về công tác hạch toán kế toán nói chung và công tác kế toán chi phí sản xuất tính giá thành nói riêng. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế mà Công ty cần phải khắc phục. Bài khóa luận này viết trên cơ sở lý luận và thực tiễn tại Công ty .

Mặc dù có sự nỗ lực của bản thân, sự nhiệt tình giúp đỡ của các anh chị phòng kế toán, nhưng do thời gian có hạn và những hạn chế về mặt kiến thức của bản thân nên không tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong các Thầy, Cô giáo chỉ bảo để bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

Qua bài viết này em xin chân thành cảm ơn các Thầy, Cô giáo trong bộ môn kế toán - kiểm toán, đặc biệt là Giảng viên Th.s Nguyễn Thị Thu đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ em hoàn thành khóa luận.

Em xin chân thành cảm ơn.

Hải Phòng, ngày 02 tháng 07 năm 2012

Sinh viên thực hiện

**Ngô Thị Thắm**

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Kế toán tài chính – PGS. TS Võ Văn Nhị, PGS.TS Phạm Thị Cúc, Ths Dương Hồng Thủy, CN Mai Bình Dương( nhà xuất bản tài chính) năm 2009
2. Hướng dẫn thực hành về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp – TS Võ Văn Nhị, Ths Phạm Thanh Liêm, Ths Lý Kim Huệ( nhà xuất bản thống kê) năm 2002
3. Kế toán chi phí giá thành – đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh – khoa kinh tế - Ts Phan Đức Dũng ( nhà xuất bản thống kê) năm 2007
4. Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính – Ts Nguyễn Văn Công( nhà xuất bản tài chính) năm 2001
5. Quyết định 15/2006/QĐ – BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ tài chính
6. Sổ sách kế toán của Công ty TNHH Lan Phố
7. Các bài khóa luận của các anh chị khóa trước của trường.